

BẢO KIẾN HAY BẢO TẮT?

Nguyễn Duy Chính

LỜI MỞ ĐẦU

Khi còn ở bậc trung học, đọc quốc sử về thời đại Tây Sơn, người viết không khỏi bẽ bàng khi vua Quang Trung khi sang Tàu phải “ôm gối” vua Càn Long trước mặt văn võ bá quan, mà nhiều sử gia giải thích là như thế “cha con”.

Ôm gối là thế nào? Có giống như một đứa trẻ ôm lấy đùi cha hay không? Không lẽ ông vua già nước Tàu ngồi trên ngai, vua nước mình chạy lại quì xuống ôm chân ông ta, thật còn gì là quốc thể:

“Sang đến Yên Kinh, vua Càn Long nhà Thanh tưởng là Nguyễn Quang Trung thật, vờ đến châu ở Nhiệt Hà, cho vào làm lễ ôm gối, như là tình cha con một nhà, và cho ăn yến với các thân vương. Đến lúc về nước, vua lại sai thợ vẽ làm một bức ảnh truyền thần để ban cho ân lễ thật là hậu.[1]

Dù vua thật hay vua giả, trên bình diện ngoại giao, nghi lễ đó cũng là một thái độ sỉ nhục đất nước mình. Sau đây là một số chi tiết rút ra từ nghiên cứu Khi Núi, Đất, Biển là Một của chúng tôi.

1/ Tổng đốc Lương Quảng là Phúc Khang An, tuần phủ Quảng Tây là Tôn Vĩnh Thanh cùng đưa đi đến Yên Kinh. Vua nước Thanh muốn nêu khen khác mọi người thưởng cho rất hậu. Đến hành cung Nhiệt Hà, vào châu ra mắt, làm lễ bảo tất[2] (ôm lấy đầu gối vua). Vua cầm bút viết bốn chữ đại tự: Cung cực quy thành[3], nghĩa là (chầu vào ngôi sao bắc cực đem lòng thành thực quy phục) và một câu đối: Phiên âm: “chúc bổ (hỗ) hiệu tôn thân, vinh (vĩnh) sĩ (thì) đan thâm (thâm) tri phất thế. Cận quang ứng sung tích tài kê thanh sư (sử) vị tiền văn[4]....

(Quốc Sử Quán triều Nguyễn: Đại Nam Liệt Tuyền, sơ tập, quyển 30: Ngụy Tây (Tây Sơn) Nguyễn Văn Huệ, bản dịch của Ngô Hữu Tạo, Đỗ Mộng Khương, Viện KHXH Việt Nam, Viện Sử Học, nxb Thuận Hóa, Huế 1997) trang 556

2/ Khi “quốc vương” tới Yên Kinh, vua Thanh mừng lắm, không hề biết đó là Quang Trung giả. Lúc “quốc vương” vào yết kiến, vua Thanh cho cùng ăn yến với các vị thân vương, lại ban ơn đặc biệt cho làm lễ ôm gối hết như tình cha con trong nhà...

(Ngô Gia Văn Phái: Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch Nguyễn Đức Vân – Kiều Thu Hoạch, nxb Văn Học, Hà Nội 2002) tr. 389

3/ ... Chỉ từ khi thiên triều phát phúc ở Mãn Châu, di phiên ở Tây Nam chưa ai xin lấy hoàng tộc, cho nên việc này có vẻ ra từ sáng kiến, người mới nghe dễ lấy làm ngờ và cho là khó khăn. Nay ôm gối mà vấn an là lễ đối với thân vương, thế là Đại hoàng đế đặc cách dùng lễ ấy đãi ngộ quốc vương nước tôi, và không lấy thế làm hiềm... (Ngô Thì Nhậm tác phẩm I – Hàn Các Anh Hoa, Bang Giao Hảo Thoại, Mai Quốc Liên chủ biên Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Học, nxb Văn Học 2001, Thư của thị thần vua Quang Trung trình bày, biện bạch về việc cầu hôn) bản dịch Mai Quốc Liên tr. 399

4/ ... Sáng sớm ngày 11, tước Công họ Phúc đem theo vào chầu, vâng chỉ làm theo lễ ôm con vào thăm nhà vua, thánh thượng mừng và đẹp lòng, đặc cách gia ân cho thợ nhà vua làm, cùng mũ, áo, ngựa, với một vạm lạng bạc và một cỗ mũ để vào chầu, bồi thần cùng người đi theo, đều thưởng cho bạc lạng và các thứ ...

(Đại Việt Quốc Thư: Tờ quốc thư của vua Quang Trung khi ở công quán Viên Minh gửi về nước cho Nguyễn Quang Toản) (Huế: nxb Thuận hóa 1995) tr. 333-4.

Trên đây là trích văn từ bốn tài liệu đề cập đến nghi lễ vua Quang Trung khi sang dự lễ Bát Tuần Vạn Thọ hội kiến cùng vua Cao Tông nhà Thanh (Càn Long)[5]. Sở dĩ chúng tôi trích bốn bản văn trên đây làm tiêu biểu vì có lẽ đây là những chi tiết nguyên thủy từ đó các sách khác rút ra để tường thuật về chuyến công du lịch sử này.

Thế bảo tất là gì?

Từ Nguyên (quyển thượng) Vương Vân Ngũ chủ biên, Đài Loan Thương Vụ Ấn Thư Quán, in lần thứ năm 1980 trang 885:

抱膝: (三國志諸葛亮傳注) 亮每晨夕從容。抱膝長嘯。

(劉琨扶風歌) 慷慨窮林中，抱膝獨摧藏。

Bảo tất: (Tam Quốc Chí Gia Cát Lượng truyện chú) Lượng mỗi thần tịch thung dung. Bảo tất trường khiếu.

Gia Cát Lượng mỗi lúc sáng chiều thong thả, lại ôm gối mà kêu.

(Lưu Côn Phù Phong Ca) Kháng khái cùng lâm trung, Bảo tất độc tồ tàng.

Nơi rừng sâu khoảng khoát, một mình ôm gối quên hết những việc trong lòng.

Một điều đáng ngạc nhiên là hầu hết những từ điển khác lại không tìm đâu ra hai chữ bảo tất (ôm gối)[6]. Có thể đây chỉ là một động tác quá thông thường thành thử từ điển không nhắc đến. Ở trên, theo Từ Nguyên thì chúng ta chỉ thấy có Gia Cát Lượng trong Tam Quốc Chí, Lưu Côn trong Phù Phong Ca có liên quan đến cái kiểu ngồi bó gối. Mà cả hai ví dụ đều nhắc đến một hoàn cảnh không vừa ý nên bảo tất ở đây lại ngầm cái vẻ bất đắc chí.

Người Việt chúng ta cũng hay ngồi theo cái kiểu “ngồi bằng hai bàn chân, tay khoanh đánh đai lấy đầu gối” (Từ Điển Tiếng Việt tường giải & liên tưởng, Hà Nội: nxb VHTT 1993 tr. 73). Trong Ý Thiên Đồ Long Ký, chương 5 (bản dịch Nguyễn Duy Chính) chúng ta cũng thấy Ân Tố Tố ngâm mấy câu thơ có hai chữ ôm gối:

... Trương Thúy Sơn vốn chỉ muốn hỏi nàng về chuyện tối hôm qua, lúc này thấy nàng đã đổi qua trang phục đàn bà, còn đang ngại ngùng, thì thiếu nữ ngừng đầu lên nhìn trời ngâm rằng:

*Ngồi ôm gối đầu thuyền mơn mõi,
Biết bao giờ khách mới ghé thăm,
Gió hiu hiu, sóng bập bênh,
Giật mình choàng tỉnh vẫn mòng nào đâu.[7]*

Như vậy, hai chữ bảo tất (ôm gối) là một động tác không mấy thông dụng của người Trung Hoa, và thường chỉ là chính mình ôm gối mình, tiếng thông dụng gọi là ngồi bó gối. Trong lễ nghi nhà Thanh cũng chưa từng thấy có cái kiểu cách nào gọi là “ôm gối” mà những sử gia Việt Nam thường “tán” thêm là “như tình cha con”. Riêng Đại Việt quốc thư lại dịch thành “lễ ôm con vào thăm nhà vua” khiến chúng ta có cảm tưởng vua Quang Trung bế con vào thăm cha già mẹ yếu.

Bản Đại Nam liệt truyện chép là bảo tất (đúng ra phải là bảo tất 抱膝), dường như có vẻ dịch theo nguyên văn, Hoàng Lê Nhất Thống Chí thì chúng tôi không có bản chính nên không thể so sánh. Riêng bản dịch lá thư biện bạch việc cầu hôn thì có lẽ ông Mai Quốc Liên cũng dựa theo sử sách mà dịch là ôm gối mặc dù nguyên văn viết là bảo kiến (抱見) theo nguyên văn ở cuối sách như sau:

故其事出於創見而初聞者以為疑難。夫以抱見請安，親王之禮，大皇帝殊遇本國國王 ...

Cổ kỳ sự xuất ư sáng kiến nhi sơ văn giả dĩ vi nghi nan. Phù dĩ bảo kiến thỉnh an, thân vương chi lễ, đại hoàng đế thù ngộ bản quốc quốc vương ... (trang 752)

Chúng ta hãy đi lại cho lớp lang để xem lại bang giao Việt – Thanh thời kỳ đó như thế nào trước khi đi đến một kiến giải về hình thức đón tiếp này. Chi tiết của tiến trình đàm phán, những văn từ chiếu biểu liên quan đến vấn đề đã được phiên dịch và chú thích đầy đủ trong Khi Núi, Đất, Biển là Một, ở đây chỉ tóm lược một vài nét chủ yếu.

*

I / VUA QUANG TRUNG CẦU PHONG

a/ Thời kỳ căng thẳng

Sau thất bại của Tôn Sĩ Nghị, nhà Thanh dẫu muốn tiến đánh nước ta một lần nữa, tình thế không chắc đã hơn những chiến dịch chinh phục Miến Điện (có thể còn vất vả hơn), chi phí nặng nề mà mỗi lợi chưa thấy đâu cả. Chính vì lẽ đó, ngay từ đầu, sau khi lượng giá tình hình, đình thần nhà Thanh đều “chủ hòa”. Sau khi Tôn Sĩ Nghị bị triệu hồi về kinh, tình hình giữa hai bên bớt căng thẳng, nhà Thanh lập tức thay đổi thái độ nên việc phong vương cho vua Quang Trung trở thành một nghi lễ cần thiết, một phần để vua Càn Long chữa thẹn cho chính mình, một phần chính vì Trung Hoa muốn tuyên oai vương đức cho các chư hầu biết là phương nam đã thần phục hầu khóa lấp chiến thắng quân sự vang dội của Đại Việt.

Trước đây, nước ta thường chỉ ở vai trò phiên thuộc bậc hai, có khi còn thấp hơn nữa. Đời Mạc và Lê trung hưng, vua ta chỉ được phong làm An Nam đô thống sứ, kéo dài mãi mới được phong An Nam quốc vương. Người Tàu lại luôn luôn dùng nghi lễ phong vương như một cơ hội để hống hách, dọa nạt mà triều đình nước ta luôn luôn phải nhịn.[8]

Cứ theo sử sách, người Trung Hoa luôn luôn nhìn về phương nam như một nơi man di mọi rợ, ma thiêng nước độc mà tướng lĩnh nào cũng e ngại khi phải cầm quân chinh phục. Người ta thường đồn rằng nước ta có chướng khí gọi là mộc tê chướng (木樨瘴) hay hoàng mao chướng (黃茅瘴), một năm chỉ có mùa đông là đỡ hơn còn ba mùa xuân, hạ, thu đều thịnh. Chướng khí này hẳn là bệnh sốt rét vàng da mà chính người Việt cũng sợ khi phải lên những vùng rừng núi. Người Tàu lại e ngại dân mình tính tình bất khuất, cứng cỏi không bao giờ chịu để người ngoài vào cai trị, sớm muộn cũng nổi lên giành quyền tự chủ, từ nghìn xưa vẫn thế.

Phúc Khang An khi vừa đáo nhậm chức tổng đốc Lưỡng Quảng liền tâu lên:

Nguyên văn

...該國地方，南北三千里，東西二天里，程站既多，則師行難速，而彼中四時氣候，惟冬季三月，瘴癘不作，其餘春夏秋三季，則毒霧淫霖，不可觸染，與緬甸無異。若興師大舉，必須於十月進兵，十二月

奏捷，次年正月班師，方為萬全無患，然軍旅之事，豈能剋定時日，倘此三月內不能蕝事，則一交春令，瘴氣大作，撤兵則前功盡棄，留兵則傷亡必多，是安南之不必用兵，非因地利不便，人事不協，總以天時限之。歷代以來，迄無成功，職此之故，今阮惠因與黎氏為仇，以致勞我師，徒靡我糧餉。乃大兵進關未久，該酋屢次乞降，明係抗拒於前，輸款於後，形跡之間，轉旅窒碍。閱其表文，內稱西山布衣，明其並非竊據人國，復云跡似抗衡，明其不敢得罪於天朝。但其措辭含糊推諉，並未將實非抗拒之處，明晰剖白，此時若遽准其所請，恐該酋驕詐性成，轉豈輕易中華之漸。[9]

Dịch âm

... Cai quốc địa phương, nam bắc tam thiên lý, đông tây nhị thiên lý, trình trạm ký đa, tặc sư hành nan tặc, nhi bỉ trung tứ thời khí hậu, duy đông quý tam nguyệt, chương lệ bất tác, kỳ dư xuân hạ thu tam quý, tặc độc vụ dâm lâm, bất khả xúc nhiễm, dữ Miến Điện vô dị. Nhược hưng sư đại cử, tất tu ư thập nguyệt tiến binh, thập nhị nguyệt tẩu tiếp, thứ niên chính nguyệt ban sư, phương ư vạn toàn vô hoạn, nhiên quân lữ chi sự, khởi năng khắc định thời nhật, thặng thử tam nguyệt nội bất năng siển sự, tặc nhất giao xuân lệnh, chương khí đại tác, triệt binh tặc tiền công tận khí, lưu binh tặc thương vong tất đa, thị An Nam chi bất tất dụng binh, phi nhân địa lợi bất tiện, nhân sự bất hiệp, tổng dĩ thiên thời hạn chi.

Lịch đại dĩ lai, ngật vô thành công, chức thử chi cố, kim Nguyễn Huệ nhân dữ Lê thị vi cữu, dĩ chí lao ngã sư, đồ mi ngã lương hưởng. Nãi đại binh tiến quan vị cửu, cai tù lữ thứ khất hàng, minh hệ kháng cự ư tiền, thâu khoản ư hậu, hình tích chi gian, chuyển lữ trất ngại. Duyệt kỳ biểu văn, nội xưng Tây Sơn bố y, minh kỳ tịnh phi thiết cứ nhân quốc, phục vân tích tự kháng hành, minh kỳ bất cảm đắc tội ư thiên triều.

Đã kỳ thổ từ hàm hồ thôi ủy, tịnh vị tương thực phi kháng cự chi xứ, minh tích phẩu bạch, thử thời nhược cự hoài kỳ sở thỉnh, khủng cai tù kiêu trá tính thành, chuyển khởi khinh dị Trung Hoa chi tiệm ...

Dịch nghĩa

... Địa phương nước này (tức nước ta), từ bắc xuống nam ba nghìn dặm, từ đông sang tây hai nghìn dặm, chặng đường phải nhiều, việc kéo quân đi khó mà có thể nhanh được, hưởng chi nơi đó khí hậu bốn mùa, chỉ có ba tháng mùa đông, chương lệ không nổi lên, còn ba mùa xuân, hạ, thu kia, đều có sương độc mù mịt, không thể nhiễm được, chẳng khác gì Miến Điện.[10]

Nếu như kéo đại quân qua, thì ắt phải tiến binh vào tháng mười, tháng mười hai phải thẳng, tháng giêng năm sau trở về, có thể mới vạn toàn không nguy hiểm. Khổ nỗi việc

quân lữ, đâu có thể nào định trước thời gian, nếu như trong ba tháng việc chưa xong, đến mùa xuân rồi, chướng khí bùng lên, nếu triệt binh thì công lao từ trước coi như bỏ đi, lưu binh thì thương vong hẳn lớn. Thành thử chẳng nên dụng binh đất An Nam, không những địa lợi không tiện, nhân sự không hợp, mà chính vì thiên thời có giới hạn.

Từ xưa đến nay, chưa bao giờ thành công cũng là vì lẽ đó, hiện nay Nguyễn Huệ có thù với họ Lê, khiến phải lao khổ đến binh lính chúng ta, phí tổn lương lương. Thế nhưng đại binh tiến quan chưa bao lâu, gã tù (trưởng) kia mấy lần xin hàng, rõ ràng là trước khi kháng cự, (cũng như) sau khi thua (?) trận, lúc nào cũng tỏ vẻ sợ hãi. Xem biểu văn thấy trong đó y xưng là kẻ áo vải đất Tây Sơn, rõ ràng không có ý chiếm nước của người khác, cũng không có ý chống lại, đủ biết không dám đắc tội với thiên triều.

Thế nhưng lời của y cũng vẫn còn mù mờ, chưa hẳn có thực không kháng cự hay chẳng, cần phải phân biện rạch ròi, còn như như y xin đã cho ngay, e rằng gã tù trưởng này kiêu ngạo, gian dối đã quen, dần dà lại đâm coi thường cả Trung Hoa ...

Theo sử nhà Thanh, một mặt Phúc Khang An nhờ Ô Đại Kinh đưa thư hăm dọa, một mặt điều quân đến Trấn Nam Quan phòng ngự quân Tây Sơn tấn công qua. Quả thực sau trận chiến đầu năm Kỷ Dậu, tình hình giữa hai quốc gia rất căng thẳng, vua Quang Trung cũng chưa dám rút quân về Phú Xuân và vẫn còn trong tình trạng củng cố lực lượng để đề phòng quân Thanh mở một cuộc tấn công kế tiếp. Ông đã tích cực cho đắp một 'thành lũy bằng đất quanh điện vua Lê, dày 20 piê (bộ)' trong ba ngày ba đêm liền[11]. Ngoài ra ông còn bố trí những đạo quân từ Thăng Long dọc lên biên giới khiến dân chúng hoang mang và việc quân Thanh tập trung ở Trấn Nam Quan cũng tạo nên mối kinh hoàng cho dân cư ở khu vực này. Nhiều người sợ vạ lây nên đã tìm cách tránh khỏi vùng lửa đạn. Hai bên "giữ miếng" như thế nhiều tháng trời cho tới khi Trung Hoa công nhận triều đình Quang Trung và xúc tiến những thủ tục phong vương. Trong nhiều tháng trời, hai sứ thần của ta là Nguyễn Hữu Chu (Trù) và Vũ Huy Tấn (Phác) phải chạy đi chạy lại từ Thăng Long lên Lạng Sơn đến bảy lần rất vất vả.

b/ Thời kỳ hòa hoãn

Hai bên qua lại, sau cùng Thang Hùng Nghiệp nhượng bộ, thấy quả nước ta có ý cầu hòa nên bằng lòng để Nguyễn Hữu Chu về tâu lại với vua Quang Trung diễn tiến đàm phán còn Vũ Huy Tấn ở lại quán dịch tiếp tục thương thảo.

Nhà Thanh thấy tình hình bắt đầu hòa hoãn, không khỏi đưa thêm một số vấn đề trong tiến trình nghị hòa trong đó nhấn mạnh hai điều kiện, một là trao trả lại những người đã

bị quân ta bắt được trong trận đánh, hai là giao lại phần đất mà trước đây vua Ung Chính đã trả lại cho nước ta. Trong một thời gian vài chục năm hồi đầu thế kỷ 18, nhà Thanh đã chiếm của Đại Việt một số đất lấy sông Đổ Chú (賭咒) để phân chia ranh giới.

Nguyên đời Lê Gia Tông, Vũ Công Tuấn làm phản ở Tuyên Quang bị triều đình đánh đuổi chạy sang Tàu, đem ba châu của nước ta (Vị Xuyên, Bảo Lạc, Thủy Vĩ) xin sáp nhập vào tỉnh Vân Nam để nhờ nhà Thanh che chở, trong đó có cả mỏ đồng Tụ Long thuộc châu Vị Xuyên. Nước ta nhiều lần đòi lại nhưng Thanh triều không chịu trả. Đến năm 1728, sau khi quân Việt đánh lui được đạo quân Vân – Quý tràn qua để bảo hộ mỏ đồng, vua Ung Chính đành phải nhượng bộ trả lại 40 dặm cho Đại Việt[12]. Nhân dịp vua Quang Trung xin phong vương, Thanh triều đã kèm theo như một điều kiện phụ nhưng sứ bộ Đại Việt đã gạt đi không chấp thuận.

Cuộc chiến tranh ngoại giao đó mỗi bên nhìn một khác, bên nào cũng cho rằng mình chiếm được thượng phong so với bên kia. Dù muốn dù không, vua Quang Trung cũng còn nhiều vấn đề nội bộ chưa giải quyết xong, việc được nhà Thanh công nhận làm An Nam quốc vương sẽ là một thắng lợi lớn, ít nhất cũng khuất phục được những người dân Bắc Hà khi đó chưa biết phải theo bên nào cho phải, đồng thời củng cố được vị thế để tiến hành những bước kế tiếp, loại trừ những thế lực thù nghịch.

Trong cuộc đấu tranh ngoại giao ấy, tuy phải lúc cứng, lúc mềm Nguyễn Huệ đã có những biến chuyển rõ rệt. Trước đây, khi hành sử vai trò một tướng lĩnh, ông tuy xuất sắc trong nhiệm vụ quân sự, song việc hành chánh và chính trị lắm khi thiếu uyển chuyển. Điều đó cũng dễ hiểu vì bản thân ông và những cận thần đều là võ tướng, đa số thuộc hàng thảo mãng, chủ yếu là những đầu lĩnh trước kia theo anh em ông khi còn ở Tây Sơn, hoặc những người có liên hệ thân thích, gần xa ở Qui Nhơn. Đến lúc này, Nguyễn Huệ đã nhìn thấy rằng muốn tiến xa hơn, ông phải thoát xác để thành một vị vua sáng nghiệp mà việc đầu tiên là thu phục được thành phần sĩ phu, thiết lập được bộ máy hành chánh để dần dần thay thế đám tướng lĩnh đang nắm quyền tại địa phương.

Bên trong việc bang giao Hoa Việt thời kỳ đó chắc chắn còn nhiều vấn đề mà chúng ta không thể biết hết nhưng tựu trung vua Cao Tông đã có một kế hoạch từ trước, đưa Phúc Khang An thay Tôn Sĩ Nghị vừa để tạo một sức ép về quân sự, vừa chỉ định một con người ngoại giao đứng ra để đàm phán với Đại Việt. Đối chiếu bài biểu dưới đây với di cảo qua lại mà nay còn giữ được, ta thấy vua Quang Trung đã khôn khéo loại bỏ hết những đoạn có tính chất khiêu khích, hạch tội đối phương[13].

Xét về văn chương cũng như ngoại giao, bản văn cầu phong của vua Quang Trung không hạ mình mà cũng không hợm hĩnh, thích hợp hơn với thực tế để làm dịu xuống một tình trạng đang căng thẳng. Chương nghị trong giao thiệp Việt Hoa là Tôn Sĩ Nghị thì lúc này không còn tại chức, và mục tiêu của vua Quang Trung là muốn yên một bề, vừa tránh được việc can qua với Thanh triều để tập trung đối phó với những kẻ thù ở phía tây và phía nam, vừa chính thống hóa vai trò của mình với dân chúng xứ Bắc Hà. Lẽ dĩ nhiên bên cạnh việc đàm phán, vua Quang Trung cũng không quên tiếp xúc với các đại thần và những người thân tín của vua Càn Long nhưng đó không phải là lý do chính mà nhà Thanh chấp nhận phong cho Nguyễn Huệ làm An Nam quốc vương.

c/ Chính thức cầu phong

Ngày 22 tháng 2, sau khi nhà Thanh đã đánh tiếng là họ bằng lòng phong vương cho vua Quang Trung, phái bộ Đại Việt tất cả hơn 20 người, do Nguyễn Hữu Chu cầm đầu, từ Thăng Long đi lên, mang tờ biểu cầu phong đồng thời chuẩn bị lễ lạc và dự bị tiệc mừng, đánh dấu một thắng lợi vẻ vang trong bang giao giữa hai nước. Lá thư chính thức đó nguyên văn như sau:

Nguyên văn

安南國小目臣阮光平董奏為冒瀝微誠仰干天聽事，欽惟大皇帝陛下，受天明命，為萬國君，臨御五十餘年，洪恩溥洽，華夷內外，同風共貫，臣安南界居炎徼，久沐教聲。

乃因二百年來，國王黎氏失柄，權臣鄭氏專有其國，暨前王黎維端年老，輔政前鄭氏懦，兵驕民怨，國內乖離。臣以西山布衣乘時舉事，丙午夏，興兵滅鄭，還國于黎。

其年前王謝世，又擁立其嗣孫維祁襲位。維祁為人淫暴，不恤國政，朝綱弛於內，邊釁生於外，方宜陷害忠良，誅鋤族姓，國內之臣若民，奔愬於臣，請為出兵除亂。

臣自惟國者天朝所封之國，臣何敢自行廢置。丁未冬，遣一小將以兵問其左右之助桀者，而維祁望風宵遁，自詒伊戚。戊申夏，臣至黎城，復委前黎王之子維瑾監國承祀，經遣行价叩關，備以國情題奏。

日者邊臣反書卻使，不即遞達。去年冬，調動大兵，出關征剿，臣遠道聞信，自念從來一片畏天事大真衷壅於上聞，令前黎王子維瑾及臣民稟文三道偕行价叩稟轅門，不料大兵真趨黎城，殺守兵甚眾。

臣自揣進退無據，且其事總由黎維祁不道所致，於今年正月初五日進抵城下，並不敢與官兵抗拒也。乃官兵殺戮太多，勢難束手就縛，迹似抗衡，臣不勝惶懼現在已將對壘之人查出正法。

伏惟大皇帝體天行化，栽培傾覆，一順自然，恕蠻無知之禍，諒款關籲奏之誠，樹牧立屏，用祈籠命，俾臣得以保障一方，恪共侯服，則事有統攝，民獲乂安，皆出大皇帝陛下幬覆之仁。

臣謹當奉藩脩貢，以表至誠，臣拱北馳神，不勝激切屏營瞻仰候命之至，謹奉表奏以聞。

一恭遞上進儀物，金子拾鎰，銀子貳拾鎰。

一謹遣行价貳名，阮有暉，武輝璞。

乾隆伍拾肆年貳月日。[14]

Dịch âm

An Nam quốc tiểu mục thần Nguyễn Quang Bình căn tấu vi mạo lịch vi thành ngưỡng can thiên thính sự, khâm duy đại hoàng đế bệ hạ, thụ thiên minh mệnh, vi vạn quốc quân, lâm ngự ngũ thập dư niên, hồng ân phổ hiệp, hoa di nội ngoại, đồng phong cộng quán, thần An Nam giới cư viêm kiều, cửu mộc giáo thanh.

Nãi nhân nhị bách niên lai, quốc vương Lê thị thất bính, quyền thần Trịnh thị chuyên hữu kỳ quốc, ký tiền vương Lê Duy Đoan niên lão, phụ chính tiền Trịnh thị noạ, binh kiêu dân oán, quốc nội quai ly. Thần dĩ Tây Sơn bố y thừa thời cử sự, Bính Ngọ hạ, hưng binh diệt Trịnh, hoàn quốc vu Lê.

Kỳ niên tiền vương tạ thế, hựu ủng lập kỳ tự tôn Duy Kỳ tập vị. Duy Kỳ vi nhân thâm bạo, bất tuất quốc chính, triều cương trì ư nội, biên hấn sinh ư ngoại, phương nghi hãm hại trung lương, tru sừ tộc tính, quốc nội chi thần nhược dân, bôn sách ư thần, thỉnh vi xuất binh trừ loạn.

Thần tự duy quốc giả thiên triều sở phong chi quốc, thần hà cảm tự hành phế trí. Đinh Mùi đông, khiến nhất tiểu tướng dĩ binh vấn kỳ tả hữu chi trợ Kiệt giả, nhi Duy Kỳ vọng phong tiêu độn, tự di y thích. Mậu Thân hạ, thần chí Lê thành, phục uỷ tiền vương chi tử Duy Cẩn giám quốc thừa tự, kinh khiến hành giới khẩu quan, bị dĩ quốc tình đề tấu.

Nhật giả biên thần phản thư khước sứ, bất tức đệ đạt. Khứ niên đông, điều động đại binh, xuất quan chinh tiểu, thần viễn đạo văn tín, tự niệm tòng lai nhất phiến úy thiên sự đại chân trung ủng ư thượng văn, lệnh tiền Lê vương tử Duy Cẩn cập thần dân bầm văn tam đạo giai hành giới khẩu bầm viên môn, bất liệu đại binh chân xu Lê thành, sát thủ binh thậm chúng.

Thần tự suy tiến thoái vô cứ, thả kỳ sự tổng do Lê Duy Kỳ bất đạo sở chí, ư kim niên chính nguyệt sơ ngũ nhật tiến để thành hạ, tịnh bất cảm dĩ quan binh kháng cự dã. Nãi quan binh sát lục thái đa, thế nan thúc thủ tựu phọc, tích tự kháng hành, thần bất thẳng hoàng cụ, hiện tại dĩ tương đối lữ chi nhân tra xuất chính pháp.

Phục duy đại hoàng đế thể thiên hành hoá, tài bồi khuynh phúc, nhất thuận tự nhiên, thứ man mạch vô tri chi hoạ, lượng khoản quan dụ tấu chi thành, thụ mục lập bính, dụng kỳ lung mệnh, tỉ thần đặc dĩ bảo chướng nhất phương, khác cộng hầu phục, tắc sự hữu thống nhiếp, dân hoạch nghệ an, giai xuất đại hoàng đế bệ hạ trừ phúc chi nhân.

Thần căn đương phụng phiên tu cống, dĩ biểu chí thành, thần cùng bắc trì thần, bất thẳng kích thiết bình doanh đảm ngưỡng hầu mệnh chi chí, căn phụng biểu tấu dĩ văn.

Nhất cung đệ thượng tiến nghi vật, kim tử thập dật, ngân tử nhị thập dật.
Nhất cần khiến hành giới nhị danh, Nguyễn Hữu Chu, Vũ Huy Phác.
Càn Long ngũ thập tứ niên nhị nguyệt nhật.

Dịch nghĩa

Thần là tiểu mục nước An Nam Nguyễn Quang Bình mạo muội kính cần đem tấm lòng thành tâm lên mong đại hoàng đế bệ hạ (là bậc) thụ mệnh sáng như trời, vua của vạn quốc, ở trên ngôi báu đã trên năm mươi năm, hồng ân rải khắp mọi nơi Hoa cũng như Di đều được thấm nhuần, (cả đến) nước An Nam của thần tuy ở chỗ viêm nhiệt xa xôi cũng từng được tắm gội, (xin) lấy đức lớn mà nghe cho.

Hai trăm năm qua, quốc vương họ Lê (nước tôi) mất quyền khiến cho quyền thần họ Trịnh coi giữ việc nước, đến vua trước là Lê Duy Đuan tuổi già, phụ chính họ Trịnh hèn yếu, binh kiêu dân oán, khiến người trong nước chia rẽ ngã nghiêng. Thần là kẻ áo vải đất Tây Sơn (vì thế) phải tùy thời mà dấy lên, mùa hạ năm Bính Ngọ, hưng binh diệt họ Trịnh, trả lại nước cho họ Lê.

Trong năm đó tiền vương tạ thế, thần lại đưa tự tôn là Duy Kỳ lên nối ngôi. Duy Kỳ là người dâm bạo^[15], không lo quốc chính, mỗi giếng lỏng lẻo bên trong, lân bang gây hấn ở bên ngoài, chỉ lo hãm hại trung lương, giết người trong họ, người trong nước cũng như bầy tôi đều chạy về với thần, xin xuất binh trừ loạn.

Thần vẫn biết rằng nước đây đã được thiên triều sách phong, đâu dám tự ý phế lập. Mùa đông năm Đinh Mùi mới sai một tiểu tướng đem binh ra hỏi tội bọn tả hữu dám giúp cho kẻ Kiệt kia, hay đâu Duy Kỳ mới nghe tiếng đã bỏ chạy, tự mình làm khổ mình. Đến mùa hạ năm Mậu Thân thần đến Lê thành, đưa con của vua trước là Duy Cẩn trông coi việc thờ tự và giám quốc, rồi sai người sang gõ cửa quan trình bày mọi việc trong nước.

Khi đó người biên thần (chỉ Tôn Sĩ Nghị) lại trả lại thư, đuổi sứ về, không chịu đề đạt lên. Mùa đông năm ngoái y lại điều động đại binh, xuất quan qua đánh, thần ở xa nghe tin, tự nghĩ xưa nay một lòng kính sợ thiên triều, định đem tấc lòng giải bày lên trên, nên mới bảo vương tử Lê Duy Cẩn và thần dân gõ cửa trình ba bẩm văn, ngờ đâu đại binh tiến thẳng đến Lê thành, giết binh trấn giữ nhiều vô số kể.

Thần chẳng biết tiến thoái ra sao, việc đó chính là do Lê Duy Kỳ không biết tính toán, nên đến ngày mồng năm tháng giêng năm nay tiến đến Lê thành, đâu có dám chống cự lại quan binh. Thế nhưng quan binh tàn sát quá lắm, thế không thể thống tay chịu trói

nên đành chống trả. Việc đó cũng khiến cho thần sợ hãi nên đã đem những kẻ dám đối địch chính pháp cả rồi.

Cũng mong đại hoàng đế theo mệnh trời hành hoá, tài bồi cho kẻ ngả nghiêng, thuận theo tự nhiên, tha thứ cho kẻ man di không biết, thấu cho lòng thành của kẻ cầu xin được chẵn dặt ở một cõi mà để cho thần được đứng chẵn ở một phương, làm chư hầu tuân phục thì mọi sự được thống nhiếp, dân chúng được yên ổn làm ăn, cũng đều do đức nhân của đại hoàng đế ban cho cả.

Thần nguyện triều cống theo lệ phiên vương, dâng biểu chí thành, hướng về phương bắc, không khỏi cảm kích trông đợi mệnh lệnh kính cẩn dâng lên tờ biểu này.

Cung kính đệ lên tiến vật gồm mười dật vàng, hai mươi dật bạc.

Cung kính sai hai hành nhân là Nguyễn Hữu Chu, Vũ Huy Phác.

Càn Long năm thứ 54, tháng hai.

Đây là lần đầu tiên sau cuộc chiến, cửa ải Nam Quan được chính thức mở ra để đón phái bộ Đại Việt. Chính vì thế hai bên phải tổ chức đại lễ để tiễn đưa và để đón sứ thần qua Trung Hoa, chánh phó sứ không còn phải đến gõ cửa như những lần qua đàm phán trước đó.

Trước khi sang Tàu sứ bộ Đại Việt nghỉ tạm ở một công quán có tên là Ngưỡng Đức Đài bên trong lãnh thổ nước ta (Ngưỡng Đức Đài ở bên này cửa ải Nam Quan, đối xứng với Chiêu Đức Đài bên phía Trung Hoa). Theo Đại Nam nhất thống chí và Phương Đình địa dư chí, năm Giáp Thìn (1784) đời Lê Hiển Tông, đốc trấn Lạng Sơn Nguyễn Trọng Đàng đã tu bổ lại, lợp ngói cho khang trang.

Trước hết, chánh sứ Nguyễn Hữu Chu sai người qua ải cùng quan lại nhà Thanh ấn định nhật kỳ cử hành lễ, Thang Hùng Nghiệp cho biết nhà Thanh định vào ngày 18 tháng 3 năm Kỷ Dậu[16], tức là chỉ hơn 2 tháng sau khi Tôn Sĩ Nghị thua trận chạy về. Với tình hình liên lạc thời đó, việc chạy đi chạy lại giữa Bắc Kinh và Quảng Tây điều vợ, gian nan trong 2 tháng nhà Thanh đã chấp thuận phong vương, quả thật đây là một thành tích xưa nay chưa từng có.

Ngày 16 tháng 3, tổng đốc Phúc Khang An đem quan binh bản bộ đến đóng ở cửa Nam Quan, một mặt truyền cho tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh xây một lễ đài (mà sử Trung Hoa gọi một cách phách lối là thụ hàng thành), cách cửa ải 90 dặm. Các quan nhà Thanh thì đóng tại một vị trí cách ải 20 dặm để trông coi việc nghi thức, sau đó Thang Hùng Nghiệp mới cho mời sứ thần nước ta qua tương kiến.

Đến kỳ hạn, phái đoàn ta qua ải, Thang Hùng Nghiệp liền tiếp vào nghỉ tại Chiêu Đức Đài (đối xứng với Ngưỡng Đức Đài của nước ta) để thảo luận về nghi thức. Chánh sứ nước ta đưa ra một pho bản của biểu văn cầu phong, kèm theo lễ vật, thổ sản gửi cho vua Thanh cũng như các quan lại làm quà ra mắt. Trong biểu văn này, vua Quang Trung cũng đặc biệt ghi thêm "sẽ sai con trưởng của anh cả Nguyễn Quang Hoa là Nguyễn Quang Hiến"[17] theo sứ bộ đi sang để tỏ lòng thành. Phúc Khang An đọc biểu văn, tuy đã hoàn toàn đồng ý nhưng cũng sửa đổi vài chữ để cho sứ bộ nước ta viết lại một bản khác gửi về triều đình nhà Thanh coi như chính thức thần phục.

Ngày 19 tháng 3, lúc giờ Dần, tổng đốc Phúc Khang An ra lệnh cho tướng sĩ trấn thủ ở Nam Quan dàn đội ngũ, dựng cờ quạt rồi bày hương án ở Chiêu Đức Đài để làm lễ tiếp nhận biểu văn của nước ta. Nguyễn Quang Hiến cùng với phái bộ mấy trăm người đã dự bị sẵn, Phúc Khang An sai Thang Hùng Nghiệp mời Nguyễn Quang Hiến cùng 6 viên chức của sứ bộ nước Nam, thêm một thông ngôn và 60 tùy tùng, tổng cộng 68 người tiến qua Trấn Nam Quan.[18]

Đến giờ Thìn, Thang Hùng Nghiệp dẫn phái đoàn tới, mời vào Chiêu Đức Đài. Phúc Khang An bước ra nghênh tiếp, sau nghi lễ tương kiến, phái đoàn nước ta do chánh sứ Nguyễn Hữu Chu đứng ra trao lại biểu văn, tổng đốc Lưỡng Quảng thay mặt Thanh đình tiếp nhận. Sau đó nhà Thanh mở đại tiệc khoản đãi sứ bộ nước ta, đích thân Phúc Khang An bồi tiếp. Trong câu chuyện ngoài lề, Nguyễn Quang Hiến cũng cho hay những kẻ phạm tội sát hại các tướng lãnh nhà Thanh đã bị xử tội rồi, Phúc Khang An nghe xong coi như việc đã giải quyết, đề nghị sau này không nhắc tới nữa, chỉ xin nước Nam lập cho một cái miếu, xuân thu cúng tế những binh sĩ nhà Thanh tử trận. Để chính thức hóa việc dâng biểu cầu phong, Nguyễn Quang Hiến sẽ thay mặt triều đình Quang Trung cầm đầu phái đoàn lên Bắc Kinh triều kiến hoàng đế và cho biết đến năm sau (Canh Tuất 1790), Càn Long thứ 55 là năm khánh thọ bát tuần của vua Thanh, vua nước ta sẽ đích thân sang chúc mừng cùng các sứ thần thần phiêu thuộc khác.[19]

Đến đây, việc thông hiếu của hai nước coi như đã quyết định, những lễ lạc khác chỉ là thủ tục. Hai bên đồng ý giảm thiểu số quân trấn đóng tại biên giới. Ngày mồng 10 tháng 4 năm Càn Long thứ 54, vua Cao Tông ra lệnh cho Phúc Khang An rút các đạo quân Quảng Đông, Vân Nam đang trú đóng ở Quảng Tây về doanh trại. Tôn Sĩ Nghị sau khi thua trận, thân thể hư nhược, bị bệnh phong thấp lúc đó đang nằm dưỡng bệnh nay cũng được lệnh cho về Nam Ninh nghỉ ngơi, còn Phúc Khang An cũng không còn phải chầu chực ở Trấn Nam Quan nữa. Vua Quang Trung cũng ra lệnh cho các đồn ải giảm bớt quân số phòng ngự.

Tuy đã chính thức công nhận, nhà Thanh vẫn còn câu nệ về một số tiểu tiết, cốt để gây khó khăn cho bên ta. Ngày mồng 3 tháng 5 năm Kỷ Dậu, vua Cao Tông gửi cho vua Quang Trung một đạo dụ, xác định là không truy cứu những việc đã qua nữa, nhưng chưa thể phong vương vì Nguyễn Quang Bình (tên mới của Nguyễn Huệ) chưa thân hành sang châu mà chỉ sai cháu là Nguyễn Quang Hiến thay mặt đem biểu tiến kinh để đón phong hiệu, lễ chế đó thiên triều chưa từng có. Nếu quả Nguyễn Quang Bình có bụng thành kính, chi bằng đợi khi vua Càn Long làm lễ bát tuần vạn thọ vào năm sau (Canh Tuất 1790) thì hãy thân hành sang Bắc Kinh để xin phong vương.

Sứ thần nước ta lại phải một phen biện bạch lời hơn lẽ thiệt để nhà Thanh thông qua những thủ tục nặng phần hình thức này. Sau cùng triều đình nhà Thanh đành phải để dài và vua Cao Tông truyền lệnh Phúc Khang An báo cho Nguyễn Quang Hiến khởi trình tiến kinh, và sai Thang Hùng Nghiệp hộ tống[20]. Ngoài ra vua Càn Long còn ban cho vua Quang Trung một chuỗi ngọc trai (trân châu thủ xuyên nhất quải – 珍珠手串 – 掛)[21]. Trước đây sách vở vẫn dịch là một chuỗi ngọc trai để đeo tay. Có hai vấn đề chúng ta cần ghi nhận:

- Thời này khi chưa có ngọc trai nhân tạo, trân châu là một sản phẩm cực hiếm trong thiên nhiên, thường do các phiên thuộc tiến cống. Được ban một chuỗi ngọc trai là một việc đặc biệt. Ngọc trai lại chỉ dành riêng cho vua chúa và nhất đẳng đại thần vì Nhà Thanh qui định rất chi ly hạng bậc, không lẫn lộn.

- Nhà Thanh có thói tục đeo chuỗi ngọc, gọi là triều châu (朝珠), tùy theo cấp bậc y phục và trường hợp mà màu sắc, phẩm loại khác nhau (san hô, thanh kim thạch, lục tùng thạch, mật lạp, hổ phách ...). Chuỗi ngọc này để đeo vào cổ khi mặc triều phục, mỗi chuỗi bao gồm 108 hạt do ảnh hưởng của niệm châu (số châu) của Lạt Ma giáo (tiếng nôm na gọi là tràng hạt).

Ngoài triều châu ra, còn một loại vòng ngấn hơn chỉ có 18 hạt gọi là thủ xuyên (手串) không phải để đeo ở tay mà để đeo ở trước ngực (đàn ông) hay đeo vào áo (đàn bà) như một loại trang sức. Loại vòng này gồm 18 hạt châu và hai viên ngọc để phân cách, thường có thêm một giải ngọc đính vào. Nếu vua Quang Trung được ban thủ xuyên bằng ngọc trai (trân châu) có thể coi như là một món quà đặc biệt.

Đến đây mọi việc coi như đã an bài, triều đình nhà Thanh sẽ làm lễ trao ấn và sắc ở điện Thái hòa để sứ thần nước ta đem về nước. Nhà Thanh cũng sẽ cho một sứ thần đi theo phái bộ đến Thăng Long làm lễ phong vương cho vua nước ta.

II/ PHÁI BỘ NGUYỄN QUANG HIỂN

Trung tuần tháng 5, Nguyễn Quang Hiến từ Thăng Long đi lên Lạng Sơn. Phúc Khang An nhận được sắc thư và chuỗi trân châu liền sai người đem đến Trấn Nam Quan còn Thang Hùng Nghiệp lập tức cho người chạy sang Lạng Sơn yêu cầu Nguyễn Quang Hiến lên cửa ải tiếp chỉ.

Ngày 25 tháng 5, sứ đoàn Đại Việt đến Chiêu Đức Đài đón sắc thư và quà của vua Thanh đem trở về trao cho trấn thủ Lạng Sơn Đinh Công Thái (丁公彩) đem về Thăng Long.

Ngày 27 tháng 5, phái đoàn nước ta do Nguyễn Quang Hiến cầm đầu, tất cả là 21 người, từ nhà khách của tỉnh Quảng Tây do Thang Hùng Nghiệp dẫn đường đi lên kinh đô nhà Thanh. Hai mươi một người đó gồm có:[22]

- Ba vị sứ thần:

o Chánh sứ Nguyễn Quang Hiến (阮光顯)

o Phó sứ Nguyễn Hữu Chu ((阮有疇)

o Phó sứ Vũ Huy Phác (武輝璞)

- Bồi tòng 1 người:

o Nguyễn Ninh Trực (阮寧直)

- Hành nhân 5 người:

o Trương Gia Nghiễm (張嘉儼)

o Phạm Bá Nhuận (范伯潤)

o Tạ Hữu Định (謝有定)

o Nông Đình Cẩn (農廷謹)

o Hoàng Huy Dực (黃輝翼)

- Tòng nhân 12 người:

o Hồ Văn Tòng (胡文從)

o Nguyễn Công Tuyết (阮公雪)

o Nguyễn Văn Cự (阮文鉅)

o Nguyễn Văn Bản (阮文本)

o Nguyễn Văn Cơ (阮文璣)

o Hoàng Văn Thành (黃文成)

o Lê Văn Trọng (黎文仲)

o Ngô Việt Kiệt (吳曰櫟)

o Nguyễn Văn Uyển (阮文琬)

o Nguyễn Hữu Đễ (阮有悌)

o Trần Văn Dũng (陳文勇)

o Đỗ Đình Lập (杜廷立)

Phúc Khang An còn đặc biệt phái thêm Đức Khắc Tinh Ngạch (德克精額) là phó tướng mới của Thái Hiệp tỉnh Quảng Tây theo hộ tống, còn bản thân ông ta khởi trình từ Nam Ninh, đến Quế Lâm ngày 11 tháng 5 (nhuận), và hôm sau, 12 tháng 5 thì Tôn Vĩnh Thanh cũng tới. Việc đưa phái bộ Nguyễn Quang Hiển lên Bắc Kinh là một biến cố trọng đại, do chỉ thị trực tiếp từ vua Cao Tông, do đó cả ba vị quan đầu hai tỉnh Lương Quảng đều theo lên Bắc Kinh. Mặc dù biệt đãi đó có thể do nhiều nguyên nhân, chiến thắng Kỷ Dậu cũng là một yếu tố quan trọng khiến cho Thanh triều thay đổi hẳn thái độ đối với nước ta.

Ngày mồng 9 tháng 6 năm Càn Long thứ 54, phái đoàn nước ta vào huyện Bồ Kỳ (蒲圻) tỉnh Hồ Bắc, tuần phủ Hồ Bắc là Huệ Linh (惠齡) đã phái ủy hán đạo Hoàng Đức là Mạnh Ngọc (孟鈺), tri phủ Võ Xương là Mục Thông A (穆通阿), thủ doanh tham tướng Võ Xương là Lạc Phúc (勒福) qua lại chiếu liệu.

Ngày 12 tháng 6, phái đoàn nước Nam đến tỉnh thành, tổng đốc Hồ Quảng là Tất Nguyên (畢沅) dẫn các ti thuộc ra nghênh đón, sau đó cho bày tiệc, tổ chức hát bội tiếp phái đoàn, lại đem các loại gấm vóc, tơ lụa ra tặng. Tơ lụa Hồ Châu vốn dĩ nổi danh trong thiên hạ, các quan lại nhà Thanh đón tiếp Nguyễn Quang Hiển trọng hậu như thế quả là một vinh hạnh từ xưa đến nay chưa từng thấy trong lịch sử Việt Nam.

Ngày 17 tháng 6, sứ thần nước ta vào đến châu Tín Dương tỉnh Hà Nam, tuần phủ Hà Nam là Lương Khẳng Đường (梁肯堂) phái Vạn Ninh (萬寧) thuộc đạo Nhữ Quang và tri phủ Nhữ Ninh là Bành Như Cán (彭如幹) ra nghênh đón tiếp đãi.

Ngày 29 tháng 6, phái đoàn lại từ phủ Chương Đức khởi hành đi Phong Lạc, khi ấy nước sông Chương Hà đang dâng cao, thuyền không thể qua được, đợi đến ngày mồng 1 tháng 7, nước bắt đầu rút, tri phủ Chương Đức là Lý Chu (李舟) đưa phái đoàn sang ngang tới tận Từ Châu, tỉnh Trực Lệ mới quay về.

Ngày mồng 6 tháng 7, đi đến Chính Định, ngày 13 tháng 7 thì đến tỉnh thành, các quan lại dọc đường nơi nào cũng đều đãi tiệc, diễn tuồng, tặng quà rất hậu hĩ.

Ngày 24 tháng 7, phái đoàn nước ta đến hành tại (nơi vua ở khi tuần du khỏi hoàng thành) ở Nhiệt Hà (熱河). Chánh sứ Nguyễn Quang Hiển, phó sứ Nguyễn Hữu Chu, Võ Huy Tấn[23] cùng tất cả phái đoàn vào chầu, vua Cao Tông cho ngự quyển là A Thắng Cảnh (阿勝境) gọi vào triều kiến.

Phái đoàn ta làm lễ chiêm cận (tức lễ ra mắt nhà vua) xong, vua Cao Tông liền mở tiệc đãi yến chung với các vương công đại thần, các bồi lặc, bồi tử Mông Cổ, các ngạch phò (con rể vua), đài cát ... Sau khi ăn uống, nhà vua lại cũng cho tất cả các vương công, đại thần và quan khách xem hát bội[24]. Vua Cao Tông đặc biệt ban thưởng cho vua Quang

Trung tượng Quan Âm bằng ngọc, cây như ý bằng ngọc, gấm thêu chỉ vàng đính hạt châu ... Còn Nguyễn Quang Hiến cũng được ban thưởng ngọc như ý, tượng La hán bằng sứ, gấm thêu chỉ vàng, hộp bằng bạc ... Các phó sứ, hành nhân cũng đều được ban thưởng tùy cấp bậc các món gấm vóc, hộp bạc hay ngân lượng[25]. Theo Từ Diên Húc (徐延旭) trong Việt Nam tập lược (越南輯略), bản in lần thứ hai, trang 42 thì những vật dụng ban thưởng cho phái bộ An Nam ghi rõ như sau:

Năm Càn Long thứ 54, vua An Nam sai chánh phó sứ ba người vào triều cống ở Nhiệt Hà, (vua Cao Tông) đặc biệt ban cho quốc vương 5 lần:

- Lần thứ nhất: ngọc như ý, ngọc quan âm, chuỗi châu thủy tinh màu xanh lục, bình thủy tinh[26], bình bằng sứ màu đỏ mỗi thứ một cái, hai cái hộp tết bằng chỉ bạc, gấm đoạn 3 tấm, ba cuộn giấy hoa tiên.
- Lần thứ hai: gấm thêu rồng (mãng – 蟒), thiểm đoạn (gấm lấp lánh), trang đoạn (gấm may áo mặc hàng ngày), mỗi thứ hai tấm.
- Lần thứ ba: Bốn lọ trà Trịnh Trạch, bảy bánh trà Phổ Nhĩ (trà Vân Nam đóng lại thành bánh), hai hộp trà cao, hai bình thuốc ngủ (tị yên bình, thường làm bằng ngọc ngà, đá quý), một mâm phật thủ (có lẽ đây là một loại điêu khắc theo hình mâm hoa quả chứ không phải trái phật thủ thật).
- Lần thứ tư: Ngọc như ý, tị yên hồ, chén bằng gỗ mun (mộc tất oản), một cái chén của Âu Châu (Pháp Lang oản)[27], gấm thêu hoa, bao súc nhung đất Chương.
- Lần thứ năm: Bát lớn bằng sứ, mâm sứ, đĩa mun, chén, lò hương hai cái, một con dao nhỏ.

Ngoài ra các chánh, phó sứ cũng được ban thưởng đủ 5 lần, mỗi người khác nhau chút ít. Những loại vật dụng này, phần lớn lấy trong Phương Viên Cư Khố (芳園居庫), ngoại trừ vài mao thanh do Ty Quảng Chư (廣儲司) thuộc nội vụ cung ứng.

Sau khi triều kiến vua Cao Tông, phái đoàn Nguyễn Quang Hiến lên đường trở về kinh đô[28], các đồ dụng được vua ban đều do bộ Lễ đảm trách việc mang đi.

Ngày 22 tháng 8, nhà Thanh tổ chức đại lễ trao sắc phong cho phái đoàn nước ta ở điện Thái Hoà. Nghi lễ do các đại thần lưu lại ở kinh đô sắp xếp, còn bằng sắc, ấn tín An Nam quốc vương thì bộ Lễ cũng đúc sẵn. Nguyễn Quang Hiến ở trước bệ rồng thay mặt vua Quang Trung nhận lãnh, hai vị quan đầu triều là Võ Anh Điện đại học sĩ A Quế[29] (阿桂) trao ấn, còn Văn Uyên Các đại học sĩ Kê Hoàng[30] (嵇璜) trao sắc, nghi thức do các tán lễ lang nhà Thanh chỉ đạo hành sự.

Để tỏ thiện chí, trước đó vua Quang Trung trả về cho nhà Thanh hơn 500 binh sĩ bị bắt trong trận đánh, trong số có đề tiều du kích tình Quảng Đông là Trương Hội Nguyên (張會元), thủ bị Lao Hiển (勞顯). Hai người này trước đây Tôn Sĩ Nghị đã báo cáo là tử trận. Tất cả các binh sĩ được thả về đều phải khai báo với quan nhà Thanh về sự tình đã xảy ra mà chúng ta đã có dịp biết qua để dựng lại chi tiết trận đánh Thăng Long ngày 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu. Qua những lời khai, chúng ta cũng biết nhà Tây Sơn có một chính sách khá khoan hồng với tù binh, hơn hẳn cách đối xử tàn nhẫn của Tôn Sĩ Nghị chặt đầu những người bị bắt chỉ nhằm mục đích gia tăng chiến công của y, bất kể đến những qui luật tối thiểu.

Việc trao trả một số tù binh cũng khiến cho tự ái vua Càn Long và đình thần nhà Thanh được xoa dịu, Phúc Khang An cũng được tiếng là khéo thu xếp. Sau đó, nhận thấy tình thế đã thuận chiều, vua Quang Trung lại cho trả về thêm 39 người, lần thứ ba bên ta thả thêm 28 người nữa và sau cùng, lần thứ tư 18 người[31]. Về phía nhà Thanh, để đáp lại thiện chí của nước Nam cũng trả bọn Chu Đình Lý (朱廷理) 7 người về (một người là cai kỵ Nguyễn Viễn Du -阮遠猷 – chết vì bệnh khi bị giam). Những người này là quan binh của ta ở cửa ải Mục Mã bị nhà Thanh bắt giữ.

Ngoài ra, vua Quang Trung cũng khôn khéo nhượng bộ một số việc nhỏ, chẳng hạn cho phép Hoa kiều sống ở Thăng Long lập miếu thờ những tướng lãnh Trung Hoa bị giết trong trận Kỷ Dậu ở ngoại thành, hay trừng phạt những người đã sát hại họ. Tuy nhiên chúng ta cũng biết rằng đây chỉ là hình thức để cho qua chuyện, và chính quan lại nhà Thanh cũng chỉ mong chờ có thể để tuyên bố “những việc đã qua sẽ không hỏi thêm nữa” (dĩ vãng chi sự, bất phục thâm cứu – 已往之事, 不復深究)[32] cho đẹp mặt. Sau khi nghi lễ trao sắc ấn hoàn tất, phái bộ Nguyễn Quang Hiển lưu lại kinh đô thêm 2 ngày, người nào cũng mua nhân sâm đem về nước làm quà. Ngày 24 tháng 8 năm Kỷ Dậu, phái đoàn lại lên đường trở về nước.

III/ LỄ PHONG VƯƠNG CHO VUA QUANG TRUNG

Vua Cao Tông sau khi phong cho Nguyễn Huệ làm An Nam quốc vương liền truyền chỉ cho Phúc Khang An cử quan lại người Mãn Châu sang nước ta để làm lễ. Tuy nhiên tình Quảng Tây không có quan lại người Mãn Châu nên phải điều động Thành Lâm (成林) là Lễ bộ viên ngoại lúc đó đang đi tuần duyên hải Quảng Đông sang Thăng Long. Thành Lâm phụng mệnh khởi trình từ Quảng Châu ngày mồng một tháng tám, ngày 28 đến Trấn Nam Quan. Vào mùa thu nhiều chướng khí, vua Quang Trung lúc đó đang ở Nghệ An, cũng chưa lên đường ra kinh đô tiếp sứ nên Thành Lâm phải ở lại cửa quan để chờ.

Ngày 12 tháng 9, vua Quang Trung sai đề đốc Lê Xuân Thôn (黎春村)[33] đem 1000 phu dịch và 100 con ngựa cùng 500 vệ sĩ lên Trấn Nam Quan nghênh đón sắc dụ và ngự thi của vua nhà Thanh. Lê Xuân Thôn tới Nam Quan, qua ải vào Chiêu Đức Đài hành lễ tại long đình[34] tiếp chiếu.

Ngày 13 tháng 9, sứ thần nhà Thanh cùng phái đoàn nước Nam đưa sắc chiếu về Thăng Long, sử Tàu chép là quan ta bày nghi trượng đến 7, 8 dặm, đi đến đâu dân chúng cờ quạt đứng dọc đường reo hò vui vẻ.

Ngày 22 tháng 9, phái đoàn về đến Gia Quất (嘉橋), còn cách kinh thành chừng 6, 7 dặm, vua Quang Trung sai con thứ là Nguyễn Quang Thùy cùng Ngô Văn Sở, quan văn võ hơn 100 người ra đón. Thành Lâm vốn định ngày 24 tháng 9 sẽ chủ lễ phong vương, thụ sắc nhưng vua Quang Trung ngày 28 tháng 8 đã từ Nghệ An đi ra, đến huyện Đông Thành thì bị cảm phải nghỉ lại dưỡng bệnh, thành thử Thành Lâm đành phải chờ ở Gia Quất. Theo tờ bẩm của Thành Lâm thì "dân nước đó xa gần đều đến trước công quán để xem long đình, rất nhiều người lay lục hò reo. Lại có hai viên mục tên là Đinh Phụ Tế, Cẩn Danh Văn, tuổi đã ngoài 80, khi nghe tin sắc mệnh đến nơi, cũng không quản đường xa mấy trăm dặm đi tới, khấu đầu chúc mừng. Còn trấn mục Ngô Văn Sở, tức Ngô Sở, và Ngô Thời Nhâm (Nhiệm) thì sớm tối đều đến thăm, hết sức ân cần"[35]. Cũng theo tài liệu của nhà Thanh, đêm hôm 14 tháng 10, vua Quang Trung đến Thăng Long, ngày hôm sau Thành Lâm tuyên chỉ phong làm An Nam quốc vương[36]. Thành Lâm cũng lên giọng thiên triều "cố vấn" vua Quang Trung về thuật trị nước, vua ta chỉ gật gù khen phải.

Sắc phong này đề ngày 22 tháng 6 năm Kỷ Dậu, do Quân Cơ đại thần thảo ra, trình lên ngự lãm rồi, sau đó do thư ký trong nội các viết bằng hai thứ chữ Mãn – Hán, đóng ngự bảo (dấu của nhà vua) nguyên văn như sau:

Nguyên văn

朕惟王化遐覃，伐罪因而舍服，侯封恪守，事大所以畏天，鑒誠愀於荒陬，賞其既往，沛恩膏於屬國，嘉與維新，賁茲寵命之頒，以訓行之率。維安南地居炎徼，開十三道之封疆，而黎氏臣事天朝，修百餘年之職貢，每趨王會，舊附方輿。自遭難以流離，遂式微而控愬，方謂興師復國，宇小堪與圖存，何期棄印委城，積弱仍歸失守，殆天心厭其薄德，致世祚訖於終淪。

爾阮光平起自西山，界斯南服，向匪君臣之分，寢成婚媾之讐，釁起交訐，情殊負固，抗顏行於倉猝，雖無心而難掩前愆，悔罪疚以湔除。願革面而自深痛艾，表箋籲切，使先猶子以抒忱，琛獻憬來，躬與明年之祝嘏，自非仰邀封爵，榮藉龍光，曷由下蒞臣氓，妥茲鳩集。

凡此陳詞以實，胥徵効順彌虔，况王者無分民，詎在版章其土宇，而生人有司牧，是宜輯寧爾邦家，爰

布寵綏，俾憑鎮撫，今封爾為安南國王，錫之新印。

於戲！

有興有廢，天子唯順天而行，無貳無虞，國人咸舉國以聽，王其懋將丹款，肅矢冰競，固圉以長其子孫，勿使偪滋他族，悉心以勤於夙夜，罔令逸欲有邦，益敬奉夫明威，庶永承乎渥典，欽哉，毋替朕命。

[37]

Dịch âm

Trẫm duy vương hóa hà đām, phạt tội nhân nhi xá phục, hầu phong khác thủ, sự đại sở dĩ úy thiên, giám thành khốn ư hoang tưu, thế kỳ ký vãng, bái ân cao ư thuộc quốc, gia dĩ duy tân, phần tư sủng mệnh chi ban, dĩ huấn hành chi suất. Duy An Nam địa cư viêm kiểu, khai thập tam đạo chi phong cương, nhi Lê thị thần sự thiên triều, tu bách dư niên chi chức cống, mỗi xu vương hội, cứu phụ phương dư. Tự tao nan dĩ lưu ly, toại thức vi nhi khổng tổ, phương vị hưng sự phục quốc, tự tiểu kham dĩ đồ tồn, hà kỳ khí ấu uỷ thành, tích nhược nhưng qui thất thủ, đãi thiên tâm yếm kỳ bạc đức, chí thế tội cật ư chung luân.

Nhĩ Nguyễn Quang Bình khởi tự Tây Sơn, giới tư nam phục, hướng phỉ quân thần chi phân, tẩm thành hôn cấu chi thù, hấn khởi giao hồng, tình thù phụ cố, kháng nhan hành ư thương thốt, tuy vô tâm nhi nan yếm tiền khiên, hối tội cứu dĩ tiền trừ. Nguyễn cách diện nhi tự thâm thống ngải, biểu tiên dụ thiết, sứ tiên do tử dĩ trữ thăm, thám hiển cảnh lai, cung dĩ minh niên chi chức hõ, tự phi ngưỡng yêu phong tước, vinh tịch long quang, hạt do hạ lệ thần manh, thoả tư cư tập.

Phàm thử trần tự dĩ thực, tư trưng hiệu thuận di kiên, huống vương giả vô phân dân, cự tại bản chương kỳ thổ vũ, nhi sinh nhân hữu ti mục, thị nghi tập ninh bang gia, viên bổ sủng tuy, tỉ bằng trấn phủ, kim phong nhĩ vi An Nam quốc vương, tích chi tân ấu.

Ư hí!

Hữu hưng hữu phế, thiên tử duy thuận thiên nhi hành, vô nhị vô ngu, quốc nhân hàm cử quốc dĩ thính, vương kỳ mậu tương đan khoản, tiêu thi bằng cạnh, cố ngữ dĩ trường kỳ tử tôn, vật sứ bức tư tha tộc, tất tâm dĩ cần ư túc dạ, võng lệnh dật dục hữu bang, ích kính phụng thiên minh uy, thứ vĩnh thừa hồ ác điển.

Khâm tai, vô thể trẫm mệnh.

Dịch nghĩa

Trẫm vốn chỉ dùng vương hóa để trải rộng, phạt kẻ có tội nhưng vẫn tha kẻ quay về, phong cho chư hầu biết kính cần giữ lễ, coi việc lớn là sợ trời, xét lòng thành của kẻ nơi

hoang dã, bỏ qua những chuyện cũ, đem ân ban bố cho thuộc quốc, thêm điều mới mẻ, rục rĩ để dạy dỗ người ta noi theo.

Đất An Nam ở nơi nóng nực xa xôi, mở mang ra cương vực mười ba đạo, họ Lê thần phục thiên triều, giữ việc cố gắng hơn trăm năm qua, tuân theo vương hoá, dựng nên một phương. Đến khi gặp nạn ly tán, chạy đến tổ cáo, (thiên triều) đã hưng sư lấy lại nước nhưng cơ đồ cũng không giữ nổi, rút ẩn bỏ thành, yếu đuối đến nỗi mất hết, khiến cho trời cũng ghét bỏ kẻ đức mỏng, tuy nổi lại mà cũng bỏ đi.

Người Nguyễn Quang Bình khởi từ đất Tây Sơn, vốn dĩ mặc y phục phương nam, đối với kẻ kia không có nghĩa quân thần, chỉ có tình hôn nhân, đến khi hai bên gây hấn, tình nghĩa dứt rồi, lúc vội vã chống lại, dầu không phải là cố ý nhưng tội lỗi không dễ xoá nhoà. Nay biết thống hối, dâng tờ biểu thiết tha, sai con làm sứ thần sang trình bày, đem đồ quý báu sang cống hiến, bản thân sang năm sẽ qua chúc thọ, chẳng phải vì mong được phong tước để được vinh quang, mà để cho thần tử đang ngơ ngác, lang thang có nơi tụ tập.

Những lời trần tình ấy quả là thành thực, tuy nơi xa xôi cũng thuận quay về, huống chi vương đạo không phân biệt ai, há lại coi chỗ này hơn chỗ khác, người sống phải có kẻ chăn dắt, kẻ hòa hợp cần được yên ổn gia đình, người nghèo được nâng đỡ, kẻ kém được vỗ về, nay phong cho người làm An Nam quốc vương, ban cho ấn mới.

Than ôi!

Đời có lúc hưng lúc phế, thiên tử cứ theo mệnh trời mà làm, không ngờ vực, không sợ hãi, người trong nước tất cả đều nghe theo, để cho vương đạo tràn lan khắp cõi, truyền cho đến cháu con, không để vào tay họ khác, hết lòng hết dạ chăm chỉ sớm hôm, không trễ nải việc nước, luôn luôn kính trọng oai trời, để được thấm nhuần ơn mưa móc mãi mãi.

Khâm tai!

Chớ bỏ qua lệnh của trăm.

Ngoài ra vua Cao Tông còn làm một bài thơ, đích thân viết tặng cho vua Quang Trung:

三藩耆武匪佳兵
昨歲安南重有征
無奈復黎黎厭德
爰教封阮阮輸城

守封疆勿滋他族
傳子孫恆奉大清
幸沐天恩欽久道
不遑日監凜持盈[38]

Dịch âm

Tam phiên kỳ võ phi giai binh
Tạc tuế An Nam trọng hữu chinh
Vô nại phục Lê Lê yếm đức
Viên giao phong Nguyễn Nguyễn thâm thành
Thủ phong cương vật tư tha tộc
Truyền tử tôn hăng phụng Đại Thanh
Hạnh mộc thiên ân khâm cửu đạo
Bất hoàn nhật giám lẫm trì doanh

Dịch nghĩa

Ai giỏi thắng người chẳng dụng binh?
Đánh cho biết sợ, phục tâm thành.
Họ Lê đáng xót vì trời ghét,
Nhà Nguyễn nên cho hưởng phúc lành.
Vốn đã thu này sai cháu đến,
Sang năm sẽ lại tự thân hành.
Chân thành đến vậy phiên bang hiếm,
Sao nữ chẳng khen, đặng hiển vinh![39]

Về việc chậm trễ tại sao trước đây đã định phong vương vào tháng 9 lại phải dời lại đến cuối tháng 10 thì vẫn còn là một câu hỏi chưa có trả lời thích đáng. Theo các sử sách của Việt Nam, tất cả đều chung một luận cứ là vua Quang Trung ướng ngạnh không chịu ra Thăng Long làm lễ mà bắt sứ nhà Thanh phải vào Nghệ An hoặc Phú Xuân. Đọc lại những thư từ qua lại chúng ta thấy rằng lúc đầu ông quả có ý định ra nhận phong vương tại Thăng Long vào cuối tháng 9 nhưng trên đường đi bị ngã bệnh, sự việc gấp rút đành phải thoái thác cho qua.[40]

Còn Thành Lâm thì ngay hôm 17 tháng 10 lập tức lên đường về nước, vua Quang Trung sai người thân tín là Nguyễn Hoàn Khuông (阮宏匡), Tống Danh Lang (宋名郎), Lê Lương Thận (黎梁慎) dâng biểu tạ ơn cùng các lễ vật đem sang. Cũng theo sứ nhà Thanh thì khi

từ giả, vua Quang Trung “chấp tay tổng biệt, ra chiều bịn rịn”[41], sai con là Nguyễn Quang Thùy cùng văn võ các quan đưa tiền đến ngoài 15 dặm, còn Ngô Văn Sở thì tiền đến ngoài 20 dặm mới quay về.

Kèm theo tờ biểu tạ ơn là cống phẩm của nước ta bao gồm: hai mươi dật vàng, một trăm dật bạc, một trăm tấm lụa, một trăm tấm sa mỏng (羅紈 – la hoàn), ba đôi ngà voi nặng cả thảy 200 cân.

Ngoài lễ vật tạ ơn ra, vua Quang Trung còn sai bày tôi là Trần Đăng Thiên (陳登天), Nguyễn Chỉ Tín (阮止信), Nguyễn Đề Phụng (阮提奉) ngày 22 tháng 10 đem cống vật hàng năm bao gồm bốn đôi lò hương, bình hoa bằng vàng, tất cả nặng 209 lạng, tốc hương 1915 lạng do Nguyễn Hoàn Khuông dẫn đầu cùng đi với Thành Lâm qua ải Nam Quan.

Vua Cao Tông sau khi phong vương cho Nguyễn Huệ cũng sai bộ Lễ chiếu những ân điển dành cho phiên vương và phiên thuộc trong đó có việc ban lịch hàng năm là một trong những thông lệ giữa Trung Hoa và các chư hầu. Cuối năm 1789, vua Thanh sai tuần phủ Quảng Đông giao cho Tả Giang đạo đem đến cửa ải giao cho quan ta 20 cuốn lịch. Trong thời gian mấy năm qua, việc binh lửa khiến cho mùa màng thất bát, thương mại giữa nước ta và nước Tàu bị ngưng trệ (vì lệnh cấm của Thanh triều). Vua Quang Trung cũng nhân dịp này gửi thư lên Thanh triều yêu cầu bãi bỏ những lệnh cấm đoán, để việc buôn bán qua lại giữa hai bên được dễ dàng. Vua Càn Long nhận được thư của vua ta bèn giáng chỉ cho các quan nhà Thanh bình thường hóa mọi sinh hoạt giữa hai nước.

IV/ BÁT TUẦN VẠN THỌ TIẾT VUA CAO TÔNG VÀ PHÁI ĐOÀN ĐẠI VIỆT

Hầu hết những đoạn sử nước ta chép về việc phái đoàn của vua Quang Trung sang châu năm Càn Long 55 (1790) nhân dịp lễ mừng thọ 80 của vua Cao Tông đều coi đây là một cuộc đấu trí giữa hai nước, nhấn mạnh vào những yêu sách của phía Việt Nam và thái độ khiếm nhượng – đôi khi ngớ ngẩn – của quan lại nhà Thanh, lấy đó làm tâm điểm cho mọi thắng lợi. Sử nước ta cũng khẳng định rằng người cầm đầu phái đoàn là một người đóng vai vua Quang

Trung chứ không phải là Nguyễn Huệ bằng xương bằng thịt.

Thực ra, dù là vua giả hay vua thật thì vai trò cũng không có gì khác, nếu quả là một người đóng vai vua Quang Trung để sang châu thì cũng không phải vì thế mà chúng ta coi trọng Nguyễn Huệ hơn, ngược lại còn có thể đặt những câu hỏi về việc tại sao ông lại

không dám qua Trung Hoa trong vị thế một quốc vương, hay vì ông sợ bị nhà Thanh ám hại mà cố tìm cách trốn tránh?

Việc vua Quang Trung giả sang Trung Hoa vẫn còn là một nghi vấn. Theo Đại Nam Liệt Truyện, sơ tập, quyển 30 do Quốc Sử Quán triều Nguyễn soạn đời Minh Mệnh (hoàn tất đời Tự Đức) chép là:

... Huệ lại dâng biểu tạ, xin đến sang năm vào triều yết. Vua nước Thanh tin lời, tức thì sách phong làm An Nam quốc vương. Ra lệnh cho hậu bộ Quảng Tây là Thành Lâm đi trước. Khi đến cửa quan, Huệ nói thác rằng: vợ ông khí thành Thăng Long tiêu hết rồi, xin đến Phú Xuân. Thành Lâm cho rằng không phải lệ, không chịu đi Phú Xuân. Huệ bèn thác rằng (làm) có bệnh kéo dài, mới đem cháu gọi bằng cậu là Phạm Công Trị trá mạo làm Huệ để đi, rồi sai đem phương vật tạ ơn ...

Mùa xuân năm Canh Tuất, Phúc Khang An dục Huệ sửa đồ hành trang (Huệ lại nói thác là mẹ chết xin đem con là Quang Thuỳ thay mình vào triều yết. Khang An không nghe, mật sai người đến trên cửa quan dặn bảo cẩn kẽ, nếu bất đắc dĩ thì nên lấy người nào hình dạng giống mình để thay) Huệ bèn lấy Phạm Công Trị đội tên mình, si bề tôi là Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Vũ Danh Tiêu, Nguyễn Tiến Lễ, Đỗ Văn Công cùng đi ...

Tuy nhiên theo Đại Việt quốc thư, tờ dụ của vua Càn Long gửi cho vua Quang Trung khi được tin Nguyễn Huệ không dám nhận lãnh những ân điển quá đáng như đai màu kim hoàng, và lễ bái kiến thỉnh an thì chính vua Càn Long khi phong Thế tử cho Nguyễn Quang Thuỳ còn nhắc đến lời tâu của Phúc Khang An là đã dặn Đặng Văn Chân và Phạm Công Trị (hai người được lệnh đưa Nguyễn Quang Thuỳ trở về vì bị lên cơn sốt rét) hãy sẵn sóc cho chu đáo (tr. 256). Như vậy khi phái đoàn nước ta sang dự lễ bát tuần thượng thọ có cả vua Quang Trung lẫn Phạm Công Trị đủ biết tài liệu của triều Nguyễn không chính xác.

Tài liệu thứ hai nhắc đến việc vua Quang Trung sai người giả làm mình để sang Trung Hoa là HLNTC. Theo bản dịch của Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch (nxb Văn Học, Hà Nội 2002) thì:

"... Ngô Thì Nhậm bèn kén viên quan võ người làng Mạc Điền, huyện Nam Đường, ở trấn Nghệ An, tên là Nguyễn Quang Thực, dung mạo đoan trang, giả làm quốc vương; lấy Văn Sở (Ngô) làm trọng thần hàng võ, Huy Ích làm trọng thần hàng văn, Đô Đốc Nguyễn Duật làm hộ vệ, Vũ Huy Tấn làm bề tôi coi giấy tờ, cùng hầu "quốc vương" sang yết kiến

vua Thanh. Ngoài lễ dâng thường của địa phương lại dâng thêm hai thớt voi đực. Dọc đường người Thanh phải phục dịch chuyển vận rất khó nhọc. Trong ngoài ai cũng biết là giả dối, mà không ai dám nói." (trang 388-9)

Thế nhưng, Hoàng Lê Nhất Thống Chí do ba người viết, đoạn về việc vua Quang Trung sang Tàu cầu phong là hồi thứ 15, tương truyền do Ngô Thời Thuyết vào cuối thế kỷ 19 viết. Bản chất đây chỉ là một cuốn tiểu thuyết lịch sử, những chi tiết này có lẽ do truyền khẩu, hay có khi được đặt ra cho thêm ly kỳ, không đáng tin cậy.

Tiểu thuyết chương hồi thế kỷ 17, 18 cũng có cái "sính" là thích tạo nên một bí ẩn lịch sử theo loại "thâm cung bí sử" mà chúng ta thấy đầy rẫy trong các truyện đời Minh, Thanh (mà phần lớn đều không phải là sự thật lịch sử). Hoàng Lê Nhất Thống Chí chịu ảnh hưởng khá nhiều của lối dựng truyện đó, không khỏi thêm thắt một vài điểm "người ngoài không ai biết" cho thêm phần hấp dẫn. Đáng tiếc là các sử gia lại một mực dựa theo câu chuyện để viết sử khiến cho cả một thời kỳ bị lệch lạc.

Tài liệu thứ ba ghi chép về giả vương sang triều kiến vua Thanh là ghi chép của phái đoàn nước Anh John Barrow trong A Voyage To Cochichina (nguyên bản năm 1806, do Oxford Uni. Press, Kuala Lumpur in lại năm 1975) ở trang 254 như sau:

... Viên tướng mệt mỏi này, tuy vậy, lại nghĩ rằng (việc nhà Thanh mời sang Bắc kinh) là một nguy kế của viên tổng đốc để bắt giữ mình; và đời nào ông lại tin vào kẻ đã bị mình đánh bại một cách nhục nhã, không biết phải tính toán ra sao. Thế nhưng theo lời khuyên của một võ quan thân tín đã đưa để quyết định là cử ngay viên tướng này đi Bắc Kinh thay mình làm vị vua mới của nước Đàng Ngoài (Tung-quin) và Đàng Trong (Cochinchina).

Ông được tiếp đón ở Bắc Kinh rất nồng hậu đủ các vinh dự, cho đủ các loại quá cáp và được sắc phong làm quốc vương cả hai xứ, về sau này coi như một phiên thuộc của Trung Hoa.

Khi ông vua giả này trở về Huế, Quang Tung (Trung) băn khoăn không biết phải tính sao, và thấy rằng việc này không thể dấu mãi khi có quá nhiều nhân chứng sống, ông xử tử người bạn và tất cả tùy tùng, chôn chẵn nhất và cũng là cách duy nhất, ngăn ngừa việc đóng kịch quá chu đáo đánh lừa được hoàng đế nhà Thanh khỏi ai khám phá ra ...

Đây có lẽ cũng là một trong những tin đồn mà người ta truyền bá, mà phái đoàn Anh ghi nhận được thời bấy giờ. Tuy nhiên, việc giết người bịt miệng kia không hề được sử triều Nguyễn ghi chép khiến chúng ta có thể nghi rằng việc này chỉ là chuyện bịa đặt, theo

thói quen mà người ta hay tìm cách biến một sự việc không biết rõ thành một dật sự ly kỳ. Và lại đây là một phái đoàn khá lớn và không phải là không ai biết mặt vua Quang Trung, khi vua Gia Long đánh thắng Tây Sơn, không thể không truy cứu để làm chứng cứ hạ thấp triều đình đối nghịch ngõ hầu tạo uy tín cho việc xin phong vương của chính mình. Do đó việc vua Quang Trung giả sang nhà Thanh cũng là một nghi vấn lịch sử hơn là chuyện thật. Trong những văn thơ mà tông nhân đi theo ông còn để lại – nhiều người còn sống mãi về sau này – không thấy ai đề cập đến người sang Tàu là vua Quang Trung giả.

Chúng ta cũng có thể đưa ra một giả thuyết khác phù hợp với tình hình thời đó hơn. Người dẫn đầu phái bộ Đại Việt sang dự lễ Bát Tuần Vạn Thọ của nhà Thanh chính là vua Quang Trung thật. Tuy nhiên vì tình hình còn nhiều bất trắc, Nguyễn Huệ đã mạo mớ tung ra một “màn khói” là người đi qua chỉ là giả vương cốt để cho những người có manh tâm chống đối hay những thế lực thù nghịch e dè oai danh của ông mà không dám vọng động. Không phải đây là lần đầu Nguyễn Huệ dùng kế hư hư thực thực để đánh lừa đối phương, lấy tiến làm thoái khiến không ai biết đâu mà dò tìm.

Chính vì lẽ đó, trong phần kế tiếp, chúng tôi sẽ nhấn mạnh vào tương quan ngoại giao giữa Đại Việt và Thanh triều, qua các lễ nghi của một sứ bộ, những ưu đãi dành cho sứ bộ đó không phải vì thành phần nhân sự của phái đoàn mà là vì vai trò của nước ta đã được nâng lên một tầm vóc mới.

Trong suốt mấy trăm năm qua, nếu quả có việc vua Quang Trung sang Bắc Kinh, thì đây là lần đầu tiên một vị quốc trưởng của ta sang Tàu trong một phái bộ ngoại giao, trên danh nghĩa chúc thọ và chấp nhận vị trí phiên thuộc, nhưng cũng là lần đầu tiên mà vua nước ta được xác định trong thứ bậc, đẳng cấp cao nhất của nhà Thanh, chỉ dưới hoàng đế, ngang hàng với những chư hầu quan trọng của họ[42]. Nhà Thanh trong hịch dụ trả lời vua Quang Trung cũng nhắc lại là đến khi nhập kinh rồi sẽ được “ban cho tước thân vương, ngang hàng với tông thất ngoại phiên thân vương, xếp hàng cao hơn tông thất ngoại phiên quận vương” (đương phong vi thân vương, thị dĩ tông thất ngoại phiên thân vương nhất thể, ban tại tông thất ngoại phiên quận vương chi thượng – 當封為親王，視與宗室外藩親王一體，班在宗室外藩郡王之上). Cũng trong dịp này, một số bồi thần đi theo vua Quang Trung cũng được ban chức tước nhị phẩm, tam phẩm ...

Trước đây khi phái bộ nước ta sang Bắc Kinh triều cống, thường chỉ gồm một chánh sứ và hai phó sứ, năm nào hậu hĩ lắm mới được đến sáu người. Ngoài ra phái bộ chỉ được đem theo tối đa là 20 người tùy tông để chạy việc. Chuyện hạn chế đó không phải vì

nước ta nghèo khó không kham nổi một phái đoàn hùng hậu hơn nhưng vì theo lễ tục của Trung Hoa, vị trí của nước ta chỉ đến thế.

Cứ theo sử nhà Thanh, để sửa soạn đón tiếp vua Quang Trung, vua Cao Tông ra lệnh trên đường phái đoàn nước Nam tiến kinh các quan phải đối đãi theo lễ chủ khách[43], nghĩa là coi như vua ta là một quốc khách chứ không phải là một phiên vương sang châu. Cũng trong vai trò quốc vương, theo điển chế, đoàn tùy tùng của vua Quang Trung có thể lên đến 60 người.[44]

Ngày 21 tháng giêng, Phúc Khang An được thông báo rằng phái đoàn nước ta đến Du Đăng Tiết (逾燈節) vào tháng 3 sẽ tiến quan, nên lập tức cho chuẩn bị tiếp đón, lại tìm hiểu phái đoàn gồm những ai đi theo để cung ứng mọi thứ cho đủ số. Phúc Khang An lại ra lệnh cho quan binh suốt một giải từ Ngô Tầm Nam Thái đến Trấn Nam Quan từ tháng 2 trở đi đều phải chờ đợi đón tiếp, gặp mặt liền đi theo để hộ tống lên kinh[45]. Ngày mồng 2 tháng 2, Phúc Khang An viết lá thư sau đây cho triều đình Đại Việt về việc lo liệu cho phái đoàn An Nam:

Nguyên văn

為照會事，照得本年正月初旬接到國王來函，當即繕寫照會寄覆，嗣聞國母須藉參苓頤養，隨以自用參枝，並繕照會發交左江湯道馳送諒山，交該鎮目轉齎，嗣復奉旨因吳文楚向左江道面懇隨同國王進京，仰蒙聖慈格外體恤，以彼係國內得力之人，國王入關朝覲，應令在國居守，庶無牽罣，是以諄諄諭飭巡撫部院明晰照會，令其此次毋庸隨同前來，宸衷眷顧優渥殊常，想國王先後均經接到矣。

上年宣封委員成道等進關後，皇上軫念該國一切情形，降旨令其馳驛進京，以備垂問，當令迅速起程。茲據成道自京來稟內稱，抵京後屢邀召見，蒙皇上以安南歲收豐歉何如？國王年已幾何？前次抱恙曾否全痊，膺封之後如何感忭？用人行政是否協宜？人心如何翕附？十三道地方可曾平靖？詳加詢問，經成道逐一據實覆奏，聖心甚為喜悅。

又蒙皇上因國王三月入覲之期以定，復相服飾冠帶一一問及，又經成道詳晰奏對，隨命江南省織造縹絲，細繡，莽袍，金龍王帽，真金腰帶，預備頒賜。

嗣又疊奉諭旨，俟國王到京，令行抱見請安之禮，加賞金黃鞵帶，用昭優異，並因國王所寄貢使阮宏匡等書函進呈，仰蒙聖垂鑒，國母現已年高，需用藥物滋培，國王色養情殷，睿懷嘉予，特頒內府人參一觔，並撰勅書一道，同御筆硃批表文由驛發交廣西撫部院迅速轉遞。

凡茲異數隆恩，不但屬國藩臣夢想不到，即天朝親貴，亦不能倖邀，國王自上年納款已來，即蒙寵錫便蕃，不可勝紀，璽封宸翰，絡繹而來。而且求款得款，求封得封，數月之間，藩服早膺得正名分，開關以通市易，頒朔以正日時，疊次隆施，無非聖主體天心以立牧，順民心以建賢，恩澤加至萬分，光榮邁於千古。

本爵閣部堂代國王恩之，於欣感之中彌懷敬畏，蓋受恩易而報恩難，因至於莫可名報，則食息寢興，必怒然有所不安，惟有早趨宸陛，早覲天顏，始可欽承睿訓，式構鞏圖於無可報答中，勉思報答也。

國王遠處炎交，或未深悉天朝制度，大凡人臣朝覲，自有常儀，抱見請安，乃係逾格曠典，從前惟平定回部將軍兆公，平定兩金川將軍阿公，凱旋入覲，皇上郊勞將士，始命恭行此禮，而金黃鞵帶，賜出非常，御筆硃批，屬國尤所難得，今國王以南服新藩，種種仰邀異數，實為難覲寵榮。

至國王起程赴京，仍應繫用紅帶，恭俟面覲時賞換。再人參為盛京山川靈秀所鍾，品質珍貴，不特安南稀有，即內地亦不易購求。前聞阮光顯在京購買，原擬俟國王進京覲祝時，代懇恩賜，嗣據左江道來稟，知國王字寄阮宏匡等帶購，本爵閣部堂隨將自用參枝函寄四兩，其品本屬中平，內庫人參係從數十百觔中選擇而出。

今蒙皇上隆恩頒賞至一觔之多，國母叨茲渥賜，資以益壽培元，家慶國恩，無涯無量，國王諏吉揚鑣，涓誠覲聖，不須系念倚閭，心泰身榮，悉出鴻慈所賜，凡在臣工，同聲歡忭，況乎身受感銜，更復何如，國王新正諏詳開用印信，所有恭謝勅印詩章表文及隨表貢物，此時自己(己?)遣使恭齋在途，現奉諭旨俟表貢到關，即當賞收，並令將齋貢陪臣護送進京，俾得仰邀宴賚矣。

再國王寄阮宏匡等書內令將安南與暹羅構衅緣由據實陳奏，原書呈覽之後，皇上深嘉國王小心恭恪，計慮周詳，現在兩國陪臣同赴朝正，共叨筵宴，彼此俱未提及，亦無纖毫露於形迹，其書函已交阮宏匡等收閱。惟兩國從前既有此不和之事，國王進京後，必當令吳文楚居守國中，以資鎮撫，俟下次貢期進京，現奉諭旨令本爵閣部堂再行明白檄諭，聖明優恤，奚啻至再至三，自當欽遵辦理，天朝恩溥德洋，共球萬國，東西南朔，罔不率俾，茲恭逢皇上八旬萬壽，五代一堂，山海梯航，輿琛輦賚而來者，盈於闕下。國王崛起西山，甫膺封爵，即得瞻雲就日，叩覲祝釐，行動貴之禮，極章采之華，光寵無加，恩榮備至，本爵閣部堂惟有預為國王慶遭逢紀殊遇耳。協風和煦，序入仲春，屈指入關，為期不遠，本爵閣部堂於二月下澣，當鼓楫西行，專俟關前相見也，須至照會者。[46]

Dịch âm

Vi chiếu hội sự, chiếu đặc bản niên chính nguyệt sơ tuần tiếp đảo quốc vương lai hàm, đương tức thiện tả chiếu hội ký phúc, tự văn quốc mẫu tu tịch sâm linh di dưỡng, tùy dĩ tự dụng sâm chi, tịnh thiện chiếu hội phát giao tả giang Thang đạo trì tổng Lạng Sơn, giao cai trấn mục chuyển tê, tự phục phụng chỉ nhân Ngô Văn Sở hướng Tả Giang đạo diện khẩn tùy đồng quốc vương tiến kinh, ngưỡng mông thánh từ cách ngoại thể tuất, dĩ bỉ hệ quốc nội đặc lực chi nhân, quốc vương nhập quan triều cận, ứng lệnh tại quốc cư thủ, thứ vô khiên quái, thị dĩ truân truân dụ sức tuần phủ bộ viện Minh Tích chiếu hội, lệnh kỳ thứ thứ vô dung tùy đồng tiền lai, thần trung quyển cố ưu ác thù thường, tưởng quốc vương tiên hậu quân kinh tiếp đảo hĩ.

Thượng niên tuyên phong uỷ viên Thành Đạo đẳng tiến quan hậu, hoàng thượng chấn niệm cai quốc nhất thiết tình hình, giáng chỉ lệnh kỳ trì dịch tiến kinh, dĩ bị thủy vấn, đương lệnh tấn tốc khởi trình. Tư cú Thành Đạo tự kinh lai bẩm nội xưng, để kinh hậu lũ yêu triệu kiến, mông hoàng thượng dĩ An Nam tể thu phong khiếm hà như? Quốc vương niên dĩ kỷ hà? Tiên thứ bảo dạng tăng phủ toàn thuyền, ứng phong chi hậu như

hà cảm biện? Dụng nhân hành chính thị phủ hiệp nghi? Nhân tâm như hà hấp phụ? Thập tam đạo địa phương hà tăng bình tĩnh? Tường gia tuân vấn, kinh Thành Đạo trực nhất cứ thực phúc tấu, thánh tâm thậm vi hỉ duyệt.

Hựu mông hoàng thượng nhân quốc vương tam nguyệt nhập cận chi kỳ dĩ định, phúc tương phục sức quan đá nhất nhất vấn cập, hựu kinh Thành Đạo tường tích tấu đối, tùy mệnh Giang Nam tỉnh chức tạo cách ti, tế tú, mãng bào, kim long vương mạo, chân kim yêu đá, dự bị ban tứ.

Tự hựu điệp phụng dụ chỉ, sĩ quốc vương đảo kinh, lệnh hành bảo kiến thỉnh an chi lễ, gia thường kim hoàng thính đá, dụng chiêu ưu dị, tịnh nhân quốc vương sở ký cống sứ Nguyễn Hoàn Khuông đẳng thư hàm tiến trình, ngưỡng mông thánh chúa thủy giám, quốc mẫu hiện dĩ niên cao, nhu dụng dược vật tư bồi, quốc vương sắc dưỡng tình ân, duệ hoài gia dư, đặc ban nội phủ nhân tâm nhất cân, tịnh soạn sắc thư nhất đạo, đồng ngự bút châu phê biểu văn do dịch phát giao Quảng Tây phủ bộ viện tấn tốc chuyển đệ.

Phàm tư dị số long ân, bất dẫn thuộc quốc phiên thần mộng tưởng bất đáo, tức thiên triều thân quý, diệc bất năng hạnh yêu, quốc vương tự thượng niên nạp khoản dĩ lai, tức mông sủng tích tiện phan, bất khả thẳng kỳ, tỉ phong thần hàn, lạc thích nhi lai. Nhi thả lai khoản đặc khoản, cầu phong đặc phong, số nguyệt chi gian, phiên phục tạo ưng đặc chính danh phận, khai quan dĩ thông thị dịch, ban sóc dĩ chính nhật thời, điệp thứ long thi, vô phi thánh chủ thể thiên tâm dĩ lập mục, thuận dân tâm chi kiến hiền, ân trạch gia chí vạn phần, quang vinh mại ư thiên cổ.

Bản tước các bộ đường đại quốc vương ân chi, ư hân cảm chi trung di hoài kính úy, cái thụ ân dịch nhi báo ân nan, ân chí ư mạc khả danh báo, tắc thực tức tâm hưng, tất nịch nhiên hữu sở bất an, duy hữu tạo xu thần bệ, tạo cận thiên nhan, thủy khả khâm thừa duệ huấn, thức cấu cùng đồ ư vô khả báo đáp trung, miễn tư báo đáp dã.

Quốc vương viễn xứ Viêm Giao, hoặc vị thâm tất thiên triều chế độ, đại phàm nhân thần triều cận, tự hữu thường nghi, bảo kiến thỉnh an, nãi hệ du cách khoáng điển, tòng tiền duy bình định Hồi bộ tướng quân Triệu Công, bình định lưỡng Kim Xuyên tướng quân A Công, khái toàn nhập cận, hoàng thượng giao lao tướng sĩ, thủy mệnh cung hành thủ lễ, như kim hoàng thính đá, tứ xuất phi thường, ngự bút chu phê, thuộc quốc vưu sở nan đặc, kim quốc vương dĩ nam phục tân phiên, chủng chủng ngưỡng yêu dị số, thực vi nan cấu sủng vinh.

Chí quốc vương khởi trình phó kinh, nhưng ứng hệ dụng hồng đá, cung sĩ diện cận thời

thường hoán. Tái nhân sâm vi Thịnh Kinh sơn xuyên linh tú sở chung, phẩm chất trân quý, bất đặc An Nam hi hữu, tức nội địa diệc bất dị cầu cầu.

Tiền văn Nguyễn Quang Hiến tại kinh cầu mãi, nguyên nghĩ sĩ quốc vương tiến kinh cận chúc thời, đại khẩn ân tứ, tự cứ Tả Giang đạo lai bầm, tri quốc vương tự ký Nguyễn Hoàn Khuông đẳng đái cầu, bản tước các bộ đường tùy tương tự dụng sâm chi hàm ký tứ lượng, kỳ phẩm bản thuộc trung bình, nội khổ nhân sâm hệ tông số thập bách cân trung tuyển trạch nhi xuất.

Kim mông hoàng thượng long ân ban thưởng chí nhất cân chi đa, quốc mẫu thao tư ác tứ, tư dĩ ích thọ bồi nguyên, gia khánh quốc ân, vô nhai vô lượng, quốc vương tư cát dương tiêu, quyên thành cận thánh, bất tu hệ niệm ý lự, tâm thái thân vinh, tất xuất hồng tử sở tứ, phạm tại thần công, đồng thanh hoan biện, huống hồ thân thụ cảm hàm, cánh phúc hà như, quốc vương tân chính tư tường khai dụng ấn tín, sở hữu cung tạ sắc ấn thi chương biểu văn cập tùy biểu cống vật, thử thời tự dĩ (kỳ?) khiển sứ cung tề tại đồ, hiện phụng dĩ chỉ sĩ biểu cống đáo quan, tức đương thưởng thu, tịnh lệnh tương tế cống bồi thần hộ tống tiến kinh, tỉ đặc nghinh yêu yển lai hĩ.

Tái quốc vương ký Nguyễn Hoàn Khuông đẳng thư nội lệnh tương An Nam dĩ Xiêm La cầu hấn duyên do cứ thực trần tấu, nguyên thư trình lãm chi hậu, hoàng thượng thâm gia quốc vương tiểu tâm cung khác, kế lự chu tường, hiện tại lưỡng quốc bồi thần đồng phó triều chính, cộng thao diên yển, bỉ thử câu vị đề cập, diệc vô tiêm hào lộ ư hình tích, kỳ thư hàm dĩ giao Nguyễn Hoàn Khuông đẳng thu duyệt.

Duy lưỡng quốc tông tiền ký hữu thử bất hòa chi sự, quốc vương tiến kinh hậu, tất đương lệnh Ngô Văn Sở cư thủ quốc trung, dĩ tư trấn phủ, sĩ hạ thứ cống kỳ tiến kinh, hiện phụng dụ chỉ lệnh bản tước các bộ đường tái hành minh bạch hịch dụ, thánh minh ưu tuất, hề thí chí tái chí tam, tự đương khâm tuân biện lý, thiên triều ân phổ đức dương, cộng cầu vạn quốc, đồng tây nam sóc, võng bất tất tỉ, tư cung phùng hoàng thượng bát tuần vạn thọ, ngũ đại nhất đường, sơn hải thê hàng, dư sâm liễn tẩn nhi lai giả, doanh ư khuyết hạ.

Quốc vương quật khởi Tây Sơn, phủ ưng phong tước, tức đặc chiêm vân tựu nhật, khẩu cận chúc ly, hành huân quý chi lễ, cực chương thái chi hoa, quang sủng vô gia, ân vinh bị chí, bản tước các bộ đường duy hữu dự vi quốc vương khánh tao phùng kỷ thù ngô nhĩ. Hiệp phong hòa hú, tự nhập trọng xuân, giới chỉ nhập quan, vi kỳ bất viễn, bản tước các bộ đường ư nhĩ nguyệt hạ cán, đương cổ tiếp tây hành, chuyên sĩ quan tiền tương kiến dã, tu chí chiếu hội giả.

Dịch nghĩa

Về việc tiếp đón, thì theo bản văn nhận được của quốc vương gửi hồi đầu tháng giêng năm nay, nên trả lời kỹ càng mọi việc. Từ khi nghe tin quốc mẫu cần phải có sâm linh để tắm bổ, (tôi đã) lấy sâm chi đang dùng, đem giao cho Tả Giang Thang (Hồng Nghiệp) đem gấp xuống Lạng Sơn, giao cho trấn mục quý quốc chuyển cho quốc vương. Sau đó lại nghe Ngô Văn Sở nói với Tả Giang đạo là xin cho được theo quốc vương tiến kinh, mong được thánh thượng thương tình mà cho phép, nhưng y là người đặc lực ở trong nước, quốc vương nhập quan triều cận thì nên ở lại để trông coi để không xảy ra chuyện gì trục trặc, và đã vội vã sức cho tuần phủ Minh Tích lo liệu việc đó, lần này không nên đi theo, đủ biết tấm lòng quyến cố không phải bình thường, ắt quốc vương trước sau đã nhận được đầy đủ.

Năm trước bọn uỷ viên tuyên phong họ Thành (tức Thành Lâm) trở về rồi, hoàng thượng quan tâm tình hình quý quốc, giáng chỉ ra lệnh cho sắp xếp việc tiến kinh, hỏi han kỹ lưỡng rồi ra lệnh cho khởi hành sớm sủa. Cứ như Thành Lâm từ kinh về cho biết, sau khi được hoàng thượng triệu vào hỏi là năm nay mùa màng thuế má thu được ra sao? Quốc vương tuổi tác bao nhiêu? Trước đây đau ốm nay đã khỏi chưa? Sau khi được phong vương sắp đặt thế nào? Dùng người trong việc hành chính có thích hợp không? Lòng người có theo về hay chẳng? Mười ba đạo địa phương có yên tĩnh không? Mọi việc nhà vua hỏi han rất kỹ, Thành Lâm nhất nhất tâu lên, thánh tâm cực kỳ vui vẻ.

Về sau khi hoàng thượng nghe tin quốc vương đã định ngày nhập cận (vào yết kiến vua Thanh) là tháng ba, nên lại hỏi han thêm mũ đai ăn mặc ra sao, Thành Lâm tâu rõ ràng, liền sức cho tỉnh thần Giang Nam[47] dệt tạo, sắp xếp các loại tơ lụa, hàng thêu, măng bào, mũ miện rồng vàng, đai đeo vàng rồng để ban cho.

Hoàng thượng cũng dụ rằng đợi đến khi quốc vương đến kinh đô, sau khi làm lễ bái kiến thỉnh an xong rồi, sẽ thưởng thêm đai màu kim hoàng, để tăng thêm việc ưu đãi người ở nơi xa, cũng nhân việc đã uỷ thác cho cống sứ Nguyễn Hoàn Khuông dâng thư trình lên để mong thánh chúa ngó xuống, quốc mẫu nay niên kỷ đã cao, cần có thuốc men tắm bổ, quốc vương nghĩ đến công lao nuôi dưỡng, nên đặc biệt ban cho một cân nhân sâm trong nội phủ, lại soạn một đạo sắc thư, cùng ngự bút châu phê trên biểu văn sai dịch trạm giao cho phủ bộ Quảng Tây lập tức chuyển đệ.

Những ân sủng khác thường như thế, không chỉ phiên thần thuộc quốc chẳng dám mơ tưởng, ngay cả người thân quý của thiên triều cũng không mấy ai được, quốc vương từ năm ngoái đến nay, ân sủng mấy phen, quả là chưa từng có, lại được cả bút mực của

hoàng thượng ngô hầu yên lòng mà tới. Đến như xin gì được nấy, cầu phong được phong, chỉ trong vài tháng, được ban cho danh phận chính thức của phiên vương, mở cửa ải cho buôn bán, ban cho lịch cho đúng ngày tháng, mấy lần được ban ơn. Thật quả là thánh chúa lấy lòng trời mà chặn dặt, theo lòng dân mà đãi người hiền, ân trạch khắp vạn phần, quang vinh cũng hơn từ nghìn xưa trở lại.

Bản tước các bộ đường thay mặt quốc vương nhận những ân điển đó, trong lòng cảm kích lại thêm kính sợ, thấy rằng chịu ơn thì dễ mà báo đáp khó biết là nhường nào. Nếu chưa đáp đền được thì lúc ăn, lúc nghỉ, lúc ngủ, lúc thức, ắt có chiều áy náy không an, chỉ có cách sớm chạy đến bệ rồng, chiêm ngưỡng thiên nhan, để được nghe lời giáo huấn, dẫu những ơn kia không thể báo đáp, cũng là nghĩ đến báo đáp vậy.

Quốc vương ở đất Giao (Chi) xa xôi nóng nực, chắc không thông hiểu cách thức của thiên triều. Phàm các bầy tôi vào triều cận, thường là nghi lễ bình thời, (còn như) bảo kiến thỉnh an, ấy là vượt hẳn điển lệ, trước đây chỉ có tướng quân Triệu Công khi bình định Hồi bộ trở về, và tướng quân A Công, khi bình định hai Kim Xuyên xong, ca khúc khải hoàn vào triều kiến hoàng đế, hoàng thượng muốn tướng sĩ ra sức, khi đó mới cho thi hành đại lễ này. Còn như ban cho đai màu kim hoàng, thì cực kỳ phi thường, đến như ngự bút viết bằng chữ son, thuộc quốc lại càng khó được. Thế mà ngày nay quốc vương ở phương nam mới thần phục, mọi thứ đều được cả, thật là khó gặp ai được vinh sủng đến thế.

Khi quốc vương khởi trình đi lên kinh đô, có thể cứ dùng đai màu đỏ, đợi đến khi triều kiến hãy thay đổi qua đai được thưởng. Còn như nhân sâm là kết tụ sơn xuyên linh tú của đất Thịnh Kinh, phẩm chất thật là quý giá, không phải chỉ hiếm có ở đất An Nam mà ngay trong nội địa cũng khó mà kiếm được.

Trước đây có nghe Nguyễn Quang Hiển tìm mua ở kinh đô, đã định đợi khi quốc vương đến cận chúc, khi đó (tôi) sẽ thay mặt mà xin hoàng đế ban cho, nhưng cứ theo lời bẩm của Tả Giang đạo mới hay quốc vương đã khiến Nguyễn Hoàn Khuông tìm mua rồi, bản tước bộ đường mới lấy bốn lượng sâm chi đang dùng, phẩm chất chỉ là loại trung bình thôi, không được như sâm trong nội khố là thứ tuyển chọn trong hàng nghìn cân mới lấy được một.

Đến nay được hoàng thượng ban cho nhiều đến một cân, quốc mẫu được ân tứ thắm đến, cả nhà được hưởng ơn trên, thật là vô cùng vô lượng, quốc vương trong lòng thơ thới, khi vào triều cận không băn khoăn về chuyện ở nhà, tâm thái thân vinh, cũng đều do hồng ân ban cho, phàm là phận bầy tôi ai ai cũng đều vui thích, huống hồ là người được hưởng thì còn biết như thế nào.

Quốc vương mới khai ấn tín, ắt sẽ dâng biểu cung tạ sắc ấn thi chương kèm theo cống vật, khi đó sẽ sai sứ mang theo trên đường đi, hiện nay tôi đã phụng chỉ đợi khi biểu văn, cống vật đến cửa ải, sẽ lập tức thu nhận ngay, lại hộ tống bồi thần tới kinh đô, sắp đặt mọi việc tiếp đón.

Lại thêm việc quốc vương trong thư có bảo Nguyễn Hoàn Khuông cứ thực trình bày việc xích mích giữa Tiêm La và An Nam, sau khi nguyên thư trình lên, hoàng thượng thấy quốc vương cẩn thận cung kính, nên cũng đã lo liệu mọi việc thật chu đáo. Hiện giờ bồi thần của cả hai nước cùng nhập triều, cùng ăn tiệc với nhau, chuyện nọ kia đều không nhắc đến, cũng không để lộ hình tích, lá thư cũng đã đưa cho Nguyễn Hoàn Khuông được đọc.

Còn như việc hai nước trước đây có sự bất hoà, khi quốc vương tiến kinh, nên để Ngô Văn Sở ở lại trong nước, lo việc trấn thủ, đến lần tiến cống sau hãy đi, nhà vua cũng đã chỉ dụ cho bản tước các bộ đường rất minh bạch, sự lo lắng của bậc thánh minh ban xuống hết việc này đến việc khác, vậy hãy cố gắng mà noi theo Ân đức thiên triều rải ra khắp chốn, ban cho vạn quốc, đông tây nam bắc, tất cả đều nhận được, đến dịp bát tuần vạn thọ của hoàng thượng, ngũ đại nhất đường, thuyền bè xe cộ từ bốn biển kéo đến, ắt đầy cung khuyết.

Quốc vương khởi nghiệp ở Tây Sơn, nay được phong tước chẳng khác nào xem mây thấy mặt trời, đến triều kiến trúc thọ, thi hành lễ huân quý, thật là vinh hạnh biết bao, lại được quang sủng ân vinh đầy đủ, bản tước các bộ đường cũng được dự phần vào việc tao ngộ vui mừng của quốc vương.

Mưa thuận gió hoà, nay đã trọng xuân, bấm đốt ngón tay, ngày quốc vương nhập quan chẳng còn mấy chốc, bản tước các bộ đường đến cuối tháng hai sẽ lên đường về phương tây, đợi ở cửa quan để gặp gỡ, và tiếp đón ngài.

Trong đoạn văn trên, Phúc Khang An có nhắc đến tướng quân họ Triệu và họ A. Hai người đó là thế nào?

Triệu công tước Triệu Huệ (兆惠) 1708-1764, gốc Chính Hoàng Kỳ là danh tướng nhà Thanh, lập nhiều chiến công, truyền thuyết là người đã bắt được Hương Phi dâng vua Càn Long[48]. Ông là cháu (grand-nephew) gọi Hiếu Cung Nhân Hoàng Hậu (孝恭仁 皇后) (mẹ vua Ung Chính, bà nội vua Càn Long) bằng bà cô. Thành thử ông là vai em họ (second cousin) của hoàng đế.

Năm 1748, ông được điều đi Tứ Xuyên trong đạo binh bình định Kim Xuyên, năm sau thắng trận trở về. Năm 1754, nhân dịp đi thanh sát Tây Tạng, Triệu Huệ đã tâu vua Càn Long đem quân chiếm xứ này. Công lao lớn nhất của Triệu Huệ là đem quân đánh Hồi Cương trong suốt từ năm 1755 đến 1761, có lần bị vây suốt ba tháng trời, lương thực hết sạch, lính của ông phải ăn thịt người để sống. Chiến công đó đã khiến vua Cao Tông phong cho ông làm Nhất Đẳng Võ Nghị Mưu Dũng Công, Hiệp Biện Đại Học Sĩ, Thái Tử Thái Bảo. Cả một vùng đất đai rộng lớn trước đây của người Hồi nay sáp nhập vào lãnh thổ Trung Hoa dưới cái tên Biên Giới Mới tức Tân Cương.

Khi Triệu Huệ ca khúc khải hoàn trở về Bắc Kinh, vua Cao Tông đích thân ra khỏi thành đón, phong cho ông làm Phó Đô Thống và mở tiệc đãi ngay tại triều. Hình của ông được treo tại Tử Quang Các (Hall of Military Merits). Nhiều lần thoát hiểm một cách thần kỳ, ông đã được người đời trao tặng danh hiệu "phúc tướng". Khi ông chết, đích thân vua Càn Long đến tận nhà phúng điếu, đặt tên thụy là Văn Tương. Con ông Trát Lan Thái (札蘭泰 – Lalantai) tập tước và còn được gả Hòa Khác (和恪) công chúa, con gái thứ 9 của vua Cao Tông.

Còn A công tước A Quế (阿桂) (1717-1797) gốc thuộc bộ tộc Chương Giai (章佳) là người thuộc

Chính Lam Kỳ Mãn Châu. Ông lập nhiều công trạng, đáng kể nhất bình định I Lê, Turkestan, Kim Xuyên, Đài Loan, Nepal, hình ông treo trong Tử Quang Các. Mười sáu cảnh trong chiến dịch đánh Tây Vực về sau được khắc bản để lưu truyền, một số hiện còn lưu trữ trong các tàng cổ viện.

Năm 1776, khi đi đánh Kim Xuyên ông bắt được đầu mục của người thiểu số ở đây là Sách Nặc Mộc (Sonomu), lúc trở về triều được vua Càn Long ra khỏi cổng thành đón tiếp và đãi yến tại hoàng cung. Ông làm quan tới Võ Anh Điện Đại Học Sĩ, phong tước Thành Mưu Anh Dũng Công là người mà cho đến Hòa Khôn cũng phải kiêng dè, có ông nên không dám ngang ngược quá lắm. Suốt nhiều năm, A Quế là người đứng đầu trong Quân Cơ Xứ, bộ phận quan trọng nhất về việc quân sự và quốc phòng của nhà Thanh. Khi ông chết được tặng Thái Bảo, đặt tên thụy là Văn Thành.

Nói chung, việc hành đại lễ này để đón tiếp các đại tướng của vua Càn Long chỉ có hai người, còn vua Quang Trung là phiên vương duy nhất được hành lễ đó. Tiếc rằng từ trước đến nay, sử sách của ta chưa bao giờ đề cập đến, lại "xuyên tạc" thành một điển lễ rất điểm nhục. Những điều mà Phúc Khang An khuyến cáo ở trên cho ta thấy nhà Thanh thật trọng vọng vua Quang Trung và Đại Việt ở trong một tư thế vô cùng nổi bật so với mọi sứ bộ khác. Chúng ta cũng cảm thấy giọng văn cảm thán, bùi ngùi của Phúc Khang

An, có lẽ ông ta không nghĩ đến thân phận mình từ cha ông là danh tướng Phó Hằng, đến các anh em Phúc Linh An, Phúc Trường An, Phúc Long An cả nhà tận tụy phục vụ triều đình, từ đời cha sang đời con, lập nhiều công lao hãn mã nhưng cũng chưa từng được hưởng vinh dự như thế.

Tháng 2 năm Càn Long 55, vua Quang Trung về Phú Xuân thăm mẹ, đến ngày 15 tháng 3 quay trở về Nghệ An, ngày 29 tháng 3 thống lĩnh phái đoàn nước ta từ Nghệ An lên đường, mang theo con thú là Nguyễn Quang Thùy (阮光垂), cùng các bày tôi là Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân (鄧文真) cả thảy 150 người[49]. Nếu như thế quả là phái bộ Đại Việt lớn chưa từng có. Ba năm sau, phái đoàn nước Anh do Lord George Macartney dẫn đầu, một sứ bộ hết sức vĩ đại nhằm phô trương văn minh và sự trù phú của đế quốc Hồng Mao, cũng được vua Càn Long tiếp kiến ở Nhiệt Hà lại chỉ được phép đưa đến 100 người, mặc dù quà cáp họ mang theo đến hơn 600 thùng, phải mướn đến 3000 phu khuân vác. Phái đoàn Anh được tiếp đón hết sức lạnh nhạt đưa đến nổi bất bình nảy sinh ra xung đột mà sau này người ta gọi là Chiến Tranh Nha Phiến (Opium War).

Khi nghe tin phái đoàn nước ta đã đến Lạng Sơn, Phúc Khang An liền sai Thành Lâm sang uỷ lạo, đem dê bò rượu thịt khao thưởng. Đến giờ Thìn hôm 13 tháng 4, Phúc Khang An cùng tất cả văn võ quan viên đến Trấn Nam Quan đợi sẵn ở Chiêu Đức Đài. Vua Quang Trung sai phu dịch đem cống phẩm và voi[50] qua trước.

Đến giờ Tỵ, hoàng đế nước Nam cùng con trai và quan viên văn võ tiến qua cửa ải, vào Chiêu Đức Đài. Trên đường đi, Nguyễn Quang Thùy có lẽ vì nhỏ tuổi nên bị bệnh, vua Quang Trung liền phái Đặng Văn Chân và cháu gọi Nguyễn Huệ bằng cậu là Phạm Công Trị cùng hơn 30 tùy tùng đưa trở về Thăng Long[51]. Trước đó khi nghe tin vua Quang Trung đem con trai theo, vua Cao Tông tưởng là con cả nên phong Nguyễn Quang Thùy làm thế tử, lại ban cho ngọc như ý và nhiều quà tặng khác. Tuy nhiên, vì Nguyễn Quang Thùy chỉ là con thứ, con trưởng là Nguyễn Quang Toàn còn ở trong nước nên đến ngày mồng 2 tháng 6 năm đó, vua Càn Long lại cải sắc, phong Nguyễn Quang Toàn làm thế tử.

Tối hôm đó, phái đoàn nước Nam nghỉ lại nhà khách của phủ đường cách Trấn Nam Quan 25 dặm để ăn uống, nghỉ ngơi, hôm sau 15 tháng 5, vua Quang Trung và tùy tùng mới chính thức lên đường đi Yên Kinh. Đích thân tổng đốc Lương Quảng Phúc Khang An đi theo hộ tống.

Ngày 18 tháng 4, tất cả lên thuyền ở châu Ninh Minh (寧明). Ngày 26 tháng 4 năm Canh Tuất, phái đoàn qua sông Hán, ngày mồng 2 tháng 5 thì đến phủ thành Ngô Châu. Ngày mồng 6 tháng 5, vua Quang Trung từ huyện Phong Châu, phủ Triệu Khánh, tỉnh Quảng

Đông đến tỉnh thành Quảng Châu. Theo tấu thư của Phúc Khang An chúng ta cũng biết được Triệu Khánh khi đó là một khu vực thương điểm quốc tế, có đông người Âu Châu sinh sống. Lời tâu đó chép trong Khâm Định An Nam Kỳ Lược, quyển 25, trang 4 và quyển 28, trang 21:

Phủ Triệu Khánh (肇慶) là nơi trọng yếu của cả hai tỉnh đông tây (Quảng Đông, Quảng Tây), tỉnh thành Quảng Đông trước nay vốn dĩ cung ứng các đồ ngự tứ (vua dùng để ban thưởng cho các quan) và các sứ khách qua lại đều đưa đón ở bến tàu phía cửa Nam, còn phía Tây thì có 13 hãng của người Âu Châu, là chỗ các di nhân Tây Dương đến Quảng Châu ở, nơi đó có các xưởng to lớn, sinh hoạt sầm uất ...

Thuyền bè đậu sát chân tường, thành hoàng tráng lệ, nhà cửa hàng quán, ra vào tấp nập, quan binh Mãn Hán rất đông, cảnh tượng thật là hùng tráng ...

Cũng theo lời tường thuật của sử nhà Thanh thì khi phái đoàn vua nước ta đến tỉnh thành "người di Tây Dương tranh nhau đi xem"[52]. Người Tây phương đã mở rộng việc thương mại với Trung Hoa từ cuối đời Minh. Các nước Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, hòa Lan, Anh Cát Lợi đã thành lập nhiều thương điểm. Tới đời Thanh, việc buôn bán với nước ngoài vẫn là độc quyền của triều đình, còn người Anh thì do công ty Đông Ấn đảm trách. Quảng Châu là thành phố duy nhất của Trung Hoa mà người ngoại quốc được vào ra, sống riêng biệt ở một số nơi để khỏi gây xung đột với văn hóa của người Hán. Đây cũng là nơi có những dinh thự cất theo kiểu Âu Châu và những thương nhân nường theo gió mùa qua lại với các thuộc địa khác ở Nam Á.

Vào thời đó, người Anh cần mua các loại hàng tơ lụa, đồ sứ và nhất là trà của Trung Hoa. Tới cuối thế kỷ 18, người Anh phải mua 23 triệu pounds trà mỗi năm và phải trả cho Trung Hoa đến 16 triệu lạng bạc (ounces) cho các loại hàng hóa họ nhập cảng. Người Trung Hoa cũng kiểm soát luôn cả việc giao thương của các xứ phiên thuộc.[53]

Việc phái đoàn nước ta đi qua vùng này hiển nhiên có những dịp mắt thấy tai nghe, biết thêm nhiều điều mới lạ khi ở trong nước chưa từng nghe nói đến, có lẽ cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chính sách ngoại giao và một số cải cách kinh tế của vua Quang Trung sau này.

Ngày 22 tháng 5, sứ bộ đến phủ thành Nam Hùng, theo Mai Lãnh vào tỉnh giới Giang Tây, qua Nam An, Cống Châu (贛州), Cát An, Lâm Giang ..., gặp lúc nước thuận nên thuyền bè đi không có gì trở ngại.

Đến ngày mồng 6 tháng 6, thuyền đến Nam Xương, sang ngày mồng 8 thì đoàn người lên thuyền đi bộ, qua Cửu Giang, Hoàng Mai, người trong thành trai gái chen chúc nhau ra xem “không biết đến mấy nghìn, mấy vạn người”. [54]

Ngày 17 tháng 6, sứ bộ đến Võ Xương. Khi đó thời tiết nóng nực, phái đoàn phải đi lúc sáng sớm và lúc chiều mát, còn trưa thì nghỉ. Ngày 21 tháng 6, đến châu Tín Dương, tỉnh Hà Nam, ngày 24 thì đến Hứa Châu. Ngày mồng một tháng 7, vua Quang Trung đến Từ Châu, tỉnh Trực Lệ.

Khi phái bộ nước Nam đến đây thì có chỉ dụ của vua Cao Tông bắt phải làm sao sắp xếp cho vua nước Nam được gặp hoàng đế càng sớm càng tốt. Vì thế, các quan lại nhà Thanh phải chia phái đoàn thành hai nhóm, một nhóm đồ đạc cồng kềnh đi lên kinh sư, còn vua Quang Trung cầm đầu một nhóm đi thẳng tới Nhiệt Hà sơn trang triều kiến vua Càn Long.

Nhiệt Hà (熱河) (tức Rehe) nay là Thừa Đức (承德) (tức Chengde) – một nơi nghỉ mát của vua nhà Thanh được xây dựng từ thời Khang Hi năm chênh chếch về phía đông bắc Bắc Kinh, cách kinh đô khoảng 250 km, phía tây Thịnh Kinh – vốn là nơi đặc biệt để tiếp đãi các tộc trưởng Tây Vực và Lạt ma Tây Tạng. Những người đó được tiếp đón trong một lều da tương tự như kiểu của Thành Cát Tư Hãn tiếp đón các Khan người Mông Cổ ngày trước, còn sứ thần Tây Tạng thì được tiếp đón nơi đền Phổ Đà Tông Thừa (Putuozechong) được xây giống như các lâu đài của Ban Thiền và Đạt Lai Lạt ma để biểu tượng cho uy quyền hoàng đế Trung Hoa thống lãnh Phật giáo. Ngay từ năm 1652, Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 5 là Nạp Ôn La Tang Gia Thổ (Ngawang Lobzang Gyalsho) 納汪羅桑嘉措 đã vào Bắc Kinh triều kiến vua Khang Hi và được tiếp đón rất niềm nở. Ông được miễn khấu đầu trước Thanh đế và được ban cho biểu tượng quyền hành làm chủ tể một phiên thuộc của nhà Thanh (gold symbols of authority as a tributary ruler within the Chinese sphere). [55]

Mỗi hàng sứ thần được tiếp đón một nơi khác nhau và triều nghi điển lệ cũng mỗi nước một khác, phân chia thứ bậc rõ rệt. Các sứ thần Tây phương thì được tiếp đón ở vườn Viên Minh (Summer Palace), một biệt điện của nhà vua xây theo kiểu Pháp và Ý do các nhà truyền giáo theo lệnh vua Càn Long họa kiểu và đốc công năm 1747. Khu vườn này nằm ở 5 dặm phía tây bắc Bắc Kinh do giáo sĩ Michel Benoist kiến tạo một suối phun và một số cung điện kiểu Ý do họa gia G. Castiglione thiết kế.

Nhiệt Hà tới cuối đời Càn Long đã trở thành một danh thắng, là nơi nhà vua và tông thất về nghỉ mát ở một khu vực có tên là Tị Thử Sơn Trang (避暑山莊) mà người Tây phương

dịch là Mountain Resort. Hàng năm các vua nhà Thanh đều đến Nhiệt Hà để tránh cái nóng ở miền nam, đồng thời tổ chức những buổi đi săn cho khỏi quên nguồn gốc du mục. Những khách được đón ở đây mang ý nghĩa thượng võ, trong khung cảnh hùng tráng của miền mạt bắc chứ không phải kiểu cách phiến toái theo lối Hán tộc ở Yên kinh. Thường ra khách cũng được mời đi săn với nhà vua để hiển lộ tài cung kiếm và lòng can đảm. Có điều khi vua Quang Trung sang diện kiến vua Càn Long ở Nhiệt Hà, nhà vua lúc này đã bát tuần, không còn mạnh khỏe và nhanh nhẹn như thuở trai tráng, do đó chúng ta không thấy có mục đi săn hươu trong chương trình tiếp đãi sứ đoàn Đại Việt.

Nhiệt Hà khi đó là một khu vực đặc biệt với 72 danh thắng (scenic spots), vẫn được coi là một vùng đất tổ của nhà Thanh. Nơi vua Càn Long tiếp đón vua Quang Trung bao gồm 4 cung điện – chính cung, đông cung, Vạn Hác Tùng Phong (萬壑松風) và Tùng Hạc Trai (松鶴齋) chung quanh có tường xây. Tất cả các đại lễ đều được tổ chức ở chính điện. Từ ngoài vào trong gồm có Ngọ Môn với biển ngạch trên đề bốn chữ Tị Thử Sơn Trang là thủ bút của vua Khang Hi, bên trong là Đạm Bạc Kính Thành Điện (澹泊敬誠殿) là nơi tiếp khách ngoại quốc và cũng để làm lễ khánh thọ. Điện làm bằng gỗ để trần (không sơn phết) gợi cho khách nhớ đến thời mà tổ tiên của dân tộc Nữ Chân còn ngồi trên yên ngựa. Hai chữ đạm bạc là từ hai câu răn mình của Gia Cát Lượng đời Tam Quốc[56]. Qua khỏi điện là đến Tứ Tri Thư Ốc (四知書屋) là nơi vua Càn Long đãi tiệc, lấy ý từ kinh Dịch người quân tử có bốn điều nên biết, biết tới chỗ sâu kín trong tâm, biết hiển lộ cái đức sáng, biết khi nào nên ôn tồn phủ dụ, biết khi nào phải dùng đến sức mạnh[57]. Bên trong Tứ Tri Thư Ốc là Yên Ba Trí Sáng Điện (烟波致爽殿) một nơi mát mẻ, chung quanh bài trí các loại kỳ hoa dị thảo, cùng các ngọn giả sơn là tẩm cung của hoàng đế.[58]

Quốc vương nước ta được tiếp ở Nhiệt Hà cũng có nhiều ý nghĩa, thêm vẻ tự nhiên, gần gũi không bị choáng lộn vì sự xa hoa, hùng vĩ của cung điện ở kinh đô vừa cho thấy vị khách quý là một trong những phiến vương hùng tài đại lược, thi hành đại lễ “bảo kiến thỉnh an” ngụ ý nhà Thanh đã hàng phục được con mãnh sư của phương Nam.

Ngày 11 tháng 7, vua Quang Trung cùng các bồi thần gặp bọn tuyên úy ti Mộc Bình (Kim Xuyên) là Giáp Lặc Tham Nạp (甲勒參納) hơn 30 người, em của Hàng Hòa Trác (杭和卓) là Trác Lặc Tề (卓勒齊) một bọn 5 người tất cả ba phái đoàn cùng nhập cận (vào triều kiến vua, tiếng khiêm cung đời xưa).

Khi vào triều kiến hoàng đế, bất cứ ai cũng phải quỳ ba lần và rập đầu chín lần[59] (tam quỳ, cửu khấu đầu). Chỉ riêng lễ bảo kiến thỉnh an, nhà vua bước xuống khỏi ngai vàng đi ra khỏi cung (hay lầu) ôm lấy người khách (bảo kiến) để chứng tỏ sự ưu ái và quan thiết đồng thời thăm hỏi (thỉnh an). Tục lệ này vốn dĩ là của người Mông Cổ khi Đại Hãn

đón các đại tướng thắng trận trở về và cũng thông dụng trong các giống dân du mục quan ngoại Trung Hoa. Nghi thức này được cải biến để thành một trọng lễ dành riêng cho khách quý trong trường hợp đặc biệt[60]. Chính vua Cao Tông trong bài dụ gửi vua Quang Trung khi nhà vua đến tỉnh Hồ Bắc cũng đã nói là “đại hoàng đế tiết thứ ban cho rất là ưu hậu, các nước phiên ở ngoài, từ thiên cổ cho đến bây giờ, chưa từng được như thế”. [61]

Quan ngự quyền của vua Cao Tông là A Thắng Cảnh (阿勝境) mời vào, vua Quang Trung cùng vua Càn Long làm lễ “bảo kiến thỉnh an” (抱見請安), sau đó vua Thanh tặng vua ta thi chương, lại thưởng cho rất nhiều món khí ngoạn bằng vàng ngọc, mũ miện, đai đeo, áo bào và ngựa[62]. Theo tờ biểu tạ ân, vua Quang Trung còn được ban “kim hoàng thính đáí” (đai thắt lưng màu kim hoàng – 金黃鞵帶), mũ “bảo thạch đỉnh tam nhãn hồng tước hoa linh lương” (寶石頂三眼紅雀花鈴涼) và “bảo đới hoàng mã quảí” (áo cánh ngắn màu vàng - 寶帶黃馬褂). Ngoài ra nhà vua cũng được ân thưởng “bảo thạch đỉnh tam nhãn khổng tước linh vĩ mạo” (寶石頂三眼孔雀靈緯帽) và “tứ đoạn long bổ phục kim hoàng蟒袍珊瑚朝珠”. [63]

Đời Thanh áo bào của hoàng đế và các đại thần đều thêu rồng, chia ra hai loại: long bào thêu rồng 5 móng, măng bào thêu rồng 4 móng. Theo điển lệ thì quan lại nhà Thanh tùy theo cấp bậc mà áo thêu rồng nhiều hay ít. Tuy nhiên về sau rồng đều có thể năm móng, bất kể loại nào, chỉ khác nhau theo màu sắc. Vua Quang Trung trước đây đã được ban cho măng bào có thể thêu rồng năm móng nhưng áo màu xanh. Vì là tước thân vương ông được ban cho đai màu kim hoàng. Đến khi vào làm lễ xong, vua Càn Long đặc biệt ân thưởng “kim hoàng măng bào”. Về màu sắc thì chỉ vua mới được mặc áo màu vàng sáng (minh hoàng), hoàng thái tử mặc giống như nhà vua nhưng màu vàng nhạt (hạnh hoàng), các hoàng tử mặc áo màu vàng kim (kim hoàng), nếu họ xa thì chỉ được mặc màu xanh hay xanh thẫm (trừ trường hợp đặc biệt được vua cho phép mặc áo màu kim hoàng). Theo sử thì tới cuối triều Càn Long, số thân vương được mặc áo màu kim hoàng rất hiếm[64].

Theo Đại Việt quốc thư thì khi vua Quang Trung triều kiến ở Nhiệt Hà lại còn được ban cho hoàng mã quảí – một loại áo ngắn (jacket) mặc bên ngoài. Xem ra vua Quang Trung được ban thưởng mọi thứ kể cả măng bào, hoàng mã quảí, kim hoàng thính đáí, đến cương ngựa cũng màu vàng nên chính ông cũng tự cho rằng mình được coi như một người con của vua Càn Long[65]. Hoàng mã quảí nhắc lại tổ tiên người Mãn Châu là dân du mục, áo ngắn để dễ di động trên lưng ngựa, màu vàng là màu của vua chúa nên ai được ban áo này là một đặc ân cho những người lập được võ công oanh liệt. Cuối đời

Thanh, hai sĩ quan người Anh là F. T. Ward và C. G. Gordon chỉ huy Vạn Thắng Quân giúp triều đình chống lại loạn Thái Bình hồi thập niên 1860 cũng được đặc biệt ban cho hoàng mã quái.

Cũng nhân dịp này, vua Cao Tông phong cho Ngô Văn Sở hàng nhị phẩm, ban cho mũ chóp bằng san hô[66]. Các bồi thần khác theo vua Quang Trung cũng được hàng tam phẩm[67]. Tính theo cấp bậc của nhà Thanh, Ngô Văn Sở ngang hàng tổng binh, các quan khác ngang hàng tham tướng là những chức vụ khá lớn của nhà Thanh. [68]

Sau lần gặp gỡ, ngày 20 tháng 7 nhà Thanh tổ chức tiếp đãi các phái đoàn phiên thuộc trong đó có cả phái đoàn nước ta tại một đồng cỏ rộng lớn được tổ chức và sắp xếp theo lối du mục cổ truyền của các dân tộc Mông, Mãn. Nơi đón tiếp ở tại một khu đại công viên có tên là Vạn Thọ Viên (萬樹園). Tuy chưa tìm thấy một tài liệu nào chính thức miêu tả buổi đại lễ này nhưng xuyên qua một số tường thuật những buổi lễ tương tự của nhà Thanh, chúng ta có thể phần nào hình dung được những gì đã xảy ra.

Sau đây là miêu tả buổi lễ sinh nhật thứ 83 (3 năm sau vua Quang Trung) của vua Càn Long trong đó có cả phái bộ Lord Macartney cũng tại Nhiệt Hà:

Nghi lễ nhà Thanh bắt chúng tôi phải chờ đợi Hoàng đế ít ra cũng vài tiếng đồng hồ còn hầu hết các quan thì phải ngủ ở trong lều ở ngoài cung.

Lều của người Tartar tròn hình vòm không được dựng bằng cột mà bằng tre đan với nhau một cách khéo léo bao phủ bằng nỉ dày. Một trong những lều đó to và cao hơn những cái khác, phủ bằng thảm màu vàng, treo đèn kết hoa trong đó có ngai vàng của Hoàng đế.

Đại lễ quan trọng nhất trong năm sẽ được thi hành trong căn lều này. Có những lều sửa soạn chờ nhà vua tới nhưng cũng có lều để dùng làm nơi ông ta tế lễ. Ở Nhiệt Hà (Jehol), Càn Long trở thành đại hãn của người Tartar Mãn Châu, ông không tiếp khách trong cung điện mà ở trong doanh trại...

Những người Anh có dịp nhìn qua triều đình, tất cả triều đình tụ họp ăn mừng sinh nhật của Hoàng đế. Tất cả các thân vương đều có mặt, một số tổng đốc, tuần phủ, và khoảng chừng năm sáu trăm quan lại đủ các cấp, đi cùng với thuộc liêu. Ngoài ra còn binh lính, ca kỹ và nhạc công. Mấy nghìn người tất cả đều chờ đợi sự xuất hiện của bậc chí tôn cùng với mặt trời mọc.

Thế nhưng những người Anh không phải là người ngoại quốc duy nhất. Họ chỉ cho chúng tôi những sứ thần khác màu da sẫm hơn, hôm đó cũng đến để triều kiến Hoàng đế. Họ

đội khăn quăn, đi chân không, miệng nhai trầu bồm bẻm. Người Tàu không mấy giỏi về địa lý, họ ngập ngừng mãi và sau cũng chỉ nói cho chúng tôi biết tên vùng đất những phái đoàn đó bằng tiếng Trung Hoa mà chúng tôi đoán chừng là Miến Điện.

Hoá ra những người đó không phải sứ thần mà chỉ là những phu phen mang các đồ tiến cống đến chúc mừng sinh nhật hoàng đế, thành ra người Trung Hoa cũng chẳng biết chắc là họ từ đâu đến.

Chừng nửa giờ sau khi mặt trời mọc, một kỵ sĩ đi tới. Tất cả mọi người vội xếp lại thành hàng, đám đông lặng như tờ. Tiếng đàn trống từ xa vọng lại và chúng tôi nhận thấy trên khuôn mặt mọi người dường như đang đón chờ một sự phi thường nào đó xảy ra...

Một số đại thần, mặc triều phục màu vàng, cưỡi trên những con ngựa toàn thân trắng như tuyết đến trước. Họ xuống ngựa xếp thành một hàng gần cái lều lớn. Ngay sau họ là các nhạc công và vệ binh. Sau cùng là hoàng đế ngồi trên kiệu trần do mười sáu người mặc màu vàng khiêng. Theo sau là các quan thượng thư và đại thần.

Khi hoàng đế đi ngang qua nơi các quan đứng, mọi người đều quì xuống, liên tiếp rập đầu tận đất. Những người Anh quì một gối.[69]

Nhà vua vào trong lều, các thân vương theo sau, kể đó là các đại thần và sau cùng mới tới các phiên thuộc...

Vào trong lều rồi, vua Càn Long lên ngồi trên ngai đặt trên một cái bệ. Theo điển lệ nhà Thanh, nhà vua ở tận cùng phía bắc ngay chính giữa, ngai quay mặt về hướng nam. Các quan và phiên vương, thuộc hạ đứng xếp hàng hai bên theo thứ bậc, bên trái dành cho quan văn, bên phải dành cho quan võ và người trong bát kỳ. Các phiên vương hay sứ thần được xếp ngay dưới bệ phía dưới hàng của võ quan. Các nhạc công đứng ở ngay trước mặt nhà vua tấu đủ mọi loại nhạc khúc.

Mọi người – dù là phiên vương hay sứ thần – cũng đều mặc triều phục theo nước đó. Lần lượt từng người một lên khấu đầu, nếu vua Càn Long “phủ dụ” (soothing questions) thì có thông ngôn phiên dịch. Sau khi trả lời xong, lại phải khấu đầu tạ ơn trước khi lui về chỗ. Tất cả mọi việc đều có lễ tân đưa đi và dẫn về.[70]

Tuy nhiên chúng ta cũng rõ người Anh sau chuyến đi có ác cảm với Trung Hoa nên thường không miêu tả một cách trung thực. Ở Nhiệt Hà phái đoàn Anh lại không có mặt họa sĩ William Alexander nên một số bức tranh ông vẽ lại theo lời tường thuật của người khác, kể cả chân dung vua Càn Long không phù hợp với thực tế. Chẳng hạn như phu khiêng kiệu cho hoàng đế không thể nào mặc áo màu vàng (màu của vua chúa) mà phải

là màu đỏ. So sánh với những bức tranh của Jean Denis Attiret (1702-1780), Giuseppe Castiglione (1688-1766) và Ignanatius Sichebart (1708-1780) thì khung cảnh những buổi lễ của nhà Thanh vĩ đại và xa hoa hơn nhiều.

Theo De Verboden Stad (The Forbidden City) do Museum Boymans-van Beuningen Rotterdam ấn hành năm 1990 miêu tả lại bức tranh nhan đề Bữa Tiệc đón các Tù Trưởng Tây Mông Cổ ở Nhiệt Hà (Banket in Jehol voor West-Mongoolse stamhoofden): Khu đất được dùng để tổ chức buổi lễ được bao quanh bằng một hàng rào căng vải dày màu vàng. Bên ngoài hàng rào là một số lều nhỏ để cho các đầu bếp kỹ lưỡng chuẩn bị đồ ăn. Thức ăn được đựng bằng những đĩa đồng đặt trên bàn nhỏ màu đỏ, sẵn sàng được bưng vào theo hai cái cửa của hàng rào.

Những cửa đó có thêm thị vệ canh gác, còn chung quanh thì cũng có thị vệ xếp hàng cách đều nhau. Bên trong hàng rào mọi việc đều dự bị sẵn. Ngay chính giữa khu đại tiệc là một cái lều vòm trắng thật lớn làm theo hình yurt của người Mông Cổ, bên trong có đặt ngai vàng. Bàn ăn của những tân khách quan trọng nhất cũng để trong lều đó, còn những khách không quan trọng thì để trên chiếu ở ngoài lều.

Món thứ nhất của thức ăn lạnh (cold dishes) đã sẵn sàng. Các nhạc công mặc áo đỏ xếp ở hai bên căn lều. Chúng tôi thấy có khánh bằng đá và chuông, các loại trống, các loại kèn sáo và đàn mà các nhạc công tấu hai khúc: một khúc khihoàng đế ngồi xuống và một khúc khi ngài đứng lên.

Ngay sau cái đài cao dựng ở sân trước (dành cho các người biểu diễn nhào lộn – acrobats) có một tấm trướng[71] (canopy) màu vàng bên trong đặt kỹ trên là những bình và chén quý giá đựng rượu dùng cho buổi lễ. Ở bên phải, dưới một tấm trướng khác là 14 cái bàn trên đặt những quà tặng mà nhà vua sẽ ban cho khách như lụa là, ngọc khí, đồ sứ, đồ thủy tinh ...

Quan khách đứng xếp thành hàng, quì xuống để đón nhà vua[72]. Bên phải của lều có nhiều nhóm lạt ma mặc đồ vàng và đỏ, giáo phái Áo Vàng, thuộc Phật giáo Tây Tạng mà nhiều người Mông Cổ theo.

Tám mươi bốn quan đại thần Mãn và Hán cộng thêm một số người trong hoàng tộc – có phù hiệu hình tròn – quì dọc hai bên đường và hai hàng đầu của đám tân khách, tất cả xếp thành một đội hình vuông. Hàng thứ ba là các đại diện của người Mông Cổ, được mặc quan phục nhà Thanh cũng với phù hiệu nên chỉ khác những người ở hàng đầu là họ có đeo bông tai kiểu bản xứ.

Ba đầu mục quan trọng nhất của họ quì ở bên phải của đội hình được mang phù hiệu hình tròn thêu rồng vì đã được ban tước vương. Đằng sau họ là năm dãy khác gồm những quan chức thấp hơn.

Sau cùng ở phía trái là đoàn tùy tùng của vua Cao Tông. Hoàng đế ngồi trên một kiệu trần do 16 người phu mặc áo đỏ, chung quanh và đằng trước là các quan chức cao cấp, theo sau là thị vệ cầm cung tên ...[73]

Điển lễ nhà Thanh được qui định rất chi tiết và nghiêm ngặt. Chúng ta có thể hình dung được buổi lễ tiếp phái đoàn vua Quang Trung cũng tương tự như thế, có khác chăng là thay vì phái đoàn Mông Cổ thì là phái đoàn Đại Việt và nhiều phiên thuộc khác. Theo các tài liệu còn ghi lại – vua Quang Trung mặc măng bào tước vương theo triều phục nhà Thanh, mang đai vàng, khoác áo ngắn màu vàng (hoàng mã quải). Ngô Văn Sở mặc triều phục nhị phẩm, một số người khác mặc triều phục tam phẩm. Những áo mũ này nhà Thanh đã may sẵn và ban cho sứ bộ nước ta mấy ngày trước, nay đem ra mặc[74]. Các quan khác của ta bận triều phục nước Nam. Sau đó các phái đoàn được thết yến ở Đạm Bạc Kính Thành Điện.[75]

Ngày 24 tháng 7 vua hồi loan, các sứ thần trong đó có cả sứ đoàn Đại Việt cũng đi theo. Ngày mồng 1 tháng 8, tại vườn Viên Minh nhà vua lại đãi tiệc ở Đồng Lạc Viên (同樂園) sau đó được xem hát bội, buổi tối lại có bắn pháo bông (hoa)[76]. Đây là những buổi tiếp tiền sinh nhật dành cho thành phần khách vinh dự nhất của nhà vua trước khi đại lễ chính thức ở Yên Kinh. Đặc biệt nhất, trong các bữa tiệc, vua Quang Trung được xếp gần ngay bên vua Càn Long, có thể nói rằng cực kỳ vinh sủng, so với đời Minh thì hậu đãi hơn nhiều[77]. Từ ngày mồng 2 đến 11 tháng 8, lần lượt từng phái đoàn tới chúc thọ vua Càn Long. Vua Thanh trong dịp này cũng viết một bài thơ tặng cho vua Quang Trung:

羸藩入祝值時巡
初見渾如舊識親
伊古未聞來象國
勝朝往事鄙金人
九經柔遠祇重驛
嘉會於今勉體仁
武偃文修順天道
大清祚永萬千春

Phiên âm

Doanh phiên nhập chúc trị thời tuần
Sơ kiến hồn như cựu thức thân
Y cổ vị văn lai Tượng quốc
Thăng triều vãng sự bỉ kim nhân
Cửu kinh nhu viễn chi trùng dịch
Gia hội ư kim miễn thể nhân
Võ yếm văn tu thuận thiên đạo
Đại Thanh tộ vĩnh vạn thiên xuân

Bản dịch Hoàng Văn Hoè

Vào châu vừa gặp buổi thời tuần
Mới thấy mà như kẻ vẫn thân
Thuở trước có đâu châu Tượng quốc
Đời xưa đáng bỉ việc kim nhân
Kẻ xa không quản bao đường trạm
Hội tốt từ nay gắng việc nhân
Nghỉ võ sửa văn là phải lỗi
Nhà Thanh lâu mãi vạn nghìn xuân.[78]

Vua Quang Trung có sai Phan Huy Ích làm thơ họa lại như sau:

上塞恭瞻玉輅巡
傾葵一念效尊親
波澄桂海遵候度
日暖莫階見聖人
萬里梯航歸有極
九天雨露沐同仁
乾行景仰無疆壽
普率胥陶帝世春

Dịch âm

Thượng tái cung chiêm ngọc lộ tuần
Khuy nh qui nhất niệm hiệu tôn thân
Ba trùng quế hải tuân hầu độ
Nhật noãn minh giai kiến thánh nhân
Vạn lý thê hàng qui hữu cực

Cửu thiên vũ lộ mộc đồng nhân
Kiền hành cảnh ngưỡng vô cương thọ
Phổ suất tư đào đế thể xuân

Bản dịch Hoàng Văn Hoè

Triều cận vừa khi ngọc lệ tuần
Một lòng quì hoặc gắng tôn thân
Sóng êm bể quế theo hầu độ
Trời ảm thềm minh thấy thánh nhân
Muôn dặm thang buồm về hữu cực
Chín từng mưa móc khắp điều nhân
Quẻ kiền nguyện chúc muôn năm thọ
Góc bể chân trời một cảnh xuân.[79]

Vua Càn Long cũng gọi Phan Huy Ích và Vũ Huy Phác đến, tự tay rót ban cho mỗi người một chén rượu. Sau đó phái đoàn được đi thăm Tử Quang Các và được xem thơ văn của vua Càn Long ngự chế trong đó.

Ngày 12 tháng 8, trước ngày đại lễ sinh nhật một ngày, vua Càn Long từ Viên Minh Viên trở về Yên Kinh.

Ngày từ tháng ba năm Càn Long thứ 53 (1788) đã có chỉ dụ cho A Quế, hòa Khôn, Lưu Dung, Phúc Trường An, Hồ Quý Đường, Kim Giản, Lý Hoãn, Y Linh A trông coi sắp xếp đại lễ bát tuần của vua Càn Long[80]. Lễ khánh hạ chính thức kéo dài 8 tháng, từ ngày Nguyên Đán năm Càn Long 55 (1790) trở đi. Sứ bộ nước ta do Nguyễn Hoàn Khuông làm chánh sứ đã sang chúc thọ trong dịp này.

Ngày 13 tháng 8, vua Cao Tông vào điện Thái hòa nhận quà mừng của đại thần, phiên vương. Lần này từ các tỉnh tướng quân, đốc, phủ, phó đô thống, đề, trấn, phiên ... đâu đâu cũng có hai, ba người về kinh chúc thọ. Những ai không về kinh được cũng bày hương án, mặc triều phục hướng về phương bắc bái vọng. Sau khi nhận lễ của các quan rồi, nhà vua vào Càn Thanh Cung nhận lễ của nội cung (hậu phi, cung tần, hoàng tử, công chúa ...) rồi ra Ninh Thọ Cung tứ yến cho bách quan, sau đó ăn yến cùng với thân vương, hoàng tử ở Càn Thanh Cung. Ngày 16 tháng 8, nhà vua trở lại Viên Minh Viên, lại tiếp tục ăn uống, cho tới 20 tháng 8 mới chấm dứt.

Theo tài liệu của Thanh đình ghi trong Càn Long Bát Tuần Vạn Thọ Khánh Điển Đáng (乾隆八旬萬壽慶典檔), một cái bàn thật lớn được đặt ngay giữa cung Càn Thanh, phủ khăn

vàng lấp lánh, chung quanh thêu rồng và đính những hạt ngọc. Đây là bàn tiệc chính của bữa tiệc tên gọi là Kim Long đại yến trác. Yến bắt đầu vào giờ Tỵ, trên bàn bày tám hàng:

- Hàng thứ nhất: Hai bình hoa tươi hai đầu và bốn mâm hoa quả tươi. Giữa các mâm hoa quả là những khay cao năm thước đựng đồ điểm tâm

- Hàng thứ hai: Chín đĩa lớn đựng đồ chay

- Hàng thứ ba: Chín đĩa lớn đựng đồ mặn

- Hàng thứ tư: Hai hộp lớn bằng sơn mài (lacquer) đỏ, mỗi hộp mười ngăn đựng mười loại mứt, hai đầu để hai đĩa lớn đựng bào ngư (abalone) và ốc (whelk)

- Hàng thứ năm: Mười đĩa thịt nguội

- Hàng thứ sáu: Mười đĩa thịt nóng

- Hàng thứ bảy: Mười đĩa chay nguội

- Hàng thứ tám: Mười đĩa chay nóng[81]

Hai đầu của mỗi hàng còn để thêm tám đĩa hoa quả và sáu đĩa thức ăn hấp (steamed foods).

Bàn của vua Càn Long để ngay trước ngai vàng trên đế thìa bằng bạc, cán bằng gỗ tử đàn khảm vàng, đũa ngà bịt vàng, một chậu vàng rửa tay và hai bên là hai ống nhổ bằng vàng. Gần bên là bốn món ăn khai vị đựng bằng đĩa vàng. Các món ăn sau đó được dọn ra liên tiếp thay đổi. Theo thống kê, bữa tiệc cho nhà vua gồm 20 món nóng, 20 món lạnh, 4 món súp, 4 món khai vị, 4 loại trái cây tươi, 28 trái cây khô và dưa (melons), 29 loại điểm tâm, tổng cộng 109 món. Các quan khách được dọn bằng 1/4 của nhà vua. Sau nghi lễ chúc tụng, bữa tiệc bắt đầu từ giờ Ngọ đến giờ Mùi, xen kẽ là lễ nghi và âm nhạc, có cả múa lân và các màn trình diễn của nhiều sắc tộc. Theo sử nước ta, phái đoàn vua Quang Trung có mang theo một đoàn nhạc công hát 10 từ khúc chúc mừng vua Thanh[82]. Nghi lễ nhà Thanh rất phức tạp, phần lớn chỉ bưng lên đặt xuống, tân khách sợ thất thố nên không mấy ai tận tình thưởng thức bữa đại yến này.

Vì nước ta còn đang trong thời kỳ kiến thiết, việc quốc vương đi xa lâu là chuyện bất đắc dĩ nên sau khi lễ khánh thọ chấm dứt, vua Quang Trung liền xin được trở về ngay. Ngày 20 tháng 8, vua Quang Trung vào từ biệt, vua Càn Long thân mật ban ngự tửu cho hai sứ thần nước ta là Phan Huy Ích và Võ Huy Phác, cùng ngỏ lời phủ dụ quốc vương nước Nam.

Ngày 29 tháng 11, phái đoàn về đến ải Nam Quan, ngày 20 tháng 12 thì tới Nghệ An.

*

Một chi tiết khác cũng khá quan trọng là theo tài liệu của nhà Thanh thì vua Quang Trung khi sang dự lễ khánh thọ có xin vua Càn Long một bức vẽ để đem về mà sau này vin vào chi tiết này nhiều nhà nghiên cứu đã cho rằng tấm ảnh một võ tướng mặc nhung phục, mũ đầu mâu, cưỡi ngựa tay cầm roi với ghi chú là chân dung vua Quang Trung, hay kỹ hơn thì viết rằng bức hình giả vương Phạm Công Trị khi qua triều kiến vua Càn Long được họa gia nhà Thanh vẽ truyền thần. Về sự tích của bức tranh này, Hoàng Lê Nhất Thống Chí chép như sau:

Về số đồ lễ, ngoài lễ chức phương, lại có dâng thêm đôi voi đực nữa. Trong khi đi đường người Tàu phục dịch cực kỳ vất vả. Kẻ trong người ngoài ai cũng biết là giả dối mà không ai dám nói ra. Lúc tới Yên Kinh, vua Thanh tưởng là thật vua Quang Trung (vua Quang Trung thật?) rất lấy làm mừng. Đến lúc vào chầu vua Thanh cho cùng ăn uống với các thân vương, và cho đặc ân được vào ôm gối, như thể cha con người nhà.

Đến khi lạy tạ xin về, vua Thanh lại sai thợ vẽ vẽ tượng truyền thần ban cho, ân lễ rất trọng hậu, xưa nay chưa từng có bao giờ.[83]

Việc vua Càn Long sai thợ vẽ truyền thần giả vương An Nam có thể là thật vì đời Thanh Cao Tông số lượng họa phẩm vẽ người, vẽ các biển cổ còn để lại đến ngày nay có thể nói là vô số kể. Tuy nhiên tấm hình vua Việt Nam chắc chắn không được lưu lại trong văn khố Trung Hoa mà được trao lại cho sứ bộ đem về. Nếu quả là thế, bức tranh đó cũng đã theo binh lửa mà tiêu tan, đến ngay các tài liệu, sách vở đời Tây Sơn để lại cũng đã nhiều lần bị triều Nguyễn cho tiêu hủy, huống hồ bức hình của Nguy Tây, kẻ thù số một của vua Gia Long.

Tuy nhiên khi điếm lại những chi tiết trong sử sách, ngoài Hoàng Lê Nhất Thống Chí ra chúng ta không thấy một sách vở nào khác đề cập đến. Chi tiết quan trọng nhất có lẽ trong Đại Nam Liệt Truyện (q. 30, truyện chép về Nguy Tây: Nguyễn Huệ):

... Tới khi vào bệ kiến từ biệt về nước, vua nước Thanh gọi đến gần bên giường, vỗ vào vai yên ủi dặn bảo ôn tồn; sai thợ vẽ hình của mình đem cho.[84]

Nếu đúng như thế, hình ban cho Nguyễn Huệ là hình của vua Càn Long, vì chính trong tài liệu của nhà Thanh cũng còn lưu lại nhiều văn thư mà vua Quang Trung xin một tấm hình của vua Cao Tông để đem về. Đại Việt quốc thư cũng còn một tờ thiệp gửi Phúc Khang An để nhờ ông này tâu lên vua Càn Long về yêu cầu đó[85]. Không hiểu sao khi sang Hoàng Lê Nhất Thống Chí lại đổi sang thành hình vua Quang Trung. Có lẽ vì khi Ngô Thời Thuyết viết Hoàng Lê Nhất Thống Chí về việc này cách cả trăm năm sau, tham

khảo không kỹ càng, phóng bút không chính xác để hậu nhân hiểu lầm cho đến tận ngày nay. Hay cũng có thể là người đọc hiểu sai ý nghĩa câu văn vì “vua Thanh lại sai thợ vẽ vẽ tượng truyền thần ban cho” có thể hiểu theo hai cách, tượng truyền thần của vua Quang Trung hay của vua Càn Long cũng đều được.

Tuy nhiên nhiều người không chịu tin như thế và vẫn khẳng định bức tranh nêu trên là vua Quang Trung. Ngay thời Đệ Nhị Cộng Hoà, một mô phỏng của khuôn mặt này đã được dùng làm chân dung Nguyễn Huệ trên tiền giấy 200 đồng[86]. Bức hình đó được sao lại ở nhiều nơi, dùng làm bìa sách và còn được minh họa để làm ảnh thờ vua Quang Trung trong những buổi tế lễ.

Thế bức tranh đó là ai?



Trước đây, khi thời đại có những hạn chế, các sử gia Việt Nam không có điều kiện tra cứu cho đến nơi đến chốn, không kiểm chứng được tài liệu nên ít ai đặt ra những câu hỏi. Nhiều dữ kiện được lập đi lập lại khiến cho nhiều người tin ngay là đúng. Nhiều tài liệu lại còn ghi tấm hình này được in lại trong tác phẩm Mãn Châu Cổ họa (không rõ xuất xứ).

Thực ra đây là một bức tranh khá nổi tiếng của nhà Thanh vẽ vua Càn Long khi ông còn trẻ. Cho đến giờ này bức tranh này được vẽ chính xác thời gian nào cũng chưa ai xác định được và nhiều nhà nghiên cứu vẫn chưa đi tới một kết luận dứt khoát.

Một thuyết cho rằng bức tranh vua Càn Long cưỡi ngựa này được họa gia Giuseppe Castiglione (1688-1766)[87] vẽ năm 1739 khi nhà vua 28 tuổi vì khuôn mặt khá trẻ và cũng để đánh dấu lần duyệt binh đầu tiên của ông nhưng không có bằng cứ gì để chứng minh chuyện đó là đúng.

Thuyết thứ hai có vẻ xác đáng hơn vì bức tranh có liên quan đến một sự kiện ngoại giao quan trọng. Mùa thu năm 1758 Thanh triều nhận được tin bộ lạc Buruts – một bộ tộc Muslim ở vùng lưu vực Tarim đưa một phái đoàn tiến cống trong khi Thanh triều đang dẹp loại Hồi Cương (hai anh em Khozi Khan và Burhan-al-Din nổi dậy). Vì cuộc chiến còn dang dai chưa ngã ngũ nên việc bộ lạc Buruts liên minh với nhà Thanh là một lợi thế. Để tạo một ấn tượng tốt, vua Càn Long ra lệnh sắp xếp một buổi đại tiệc ở Mộc Lan[88] (Mulan – 木蘭) và mời họ đi săn trong khu vực săn bắn Nhiệt Hà (Rehe 熱河), sau đó mới mời về Bắc Kinh (một ân sủng đặc biệt vì các sứ thần Tây Vực chỉ được tiếp tại Nhiệt Hà). Ngày mồng 3 tháng chạp, vua Thanh thết yến tại điện Thái Hoà, ngày mồng 5 duyệt binh ở Nam Uyển (South Park – 南苑), khu săn bắn ngoài thành Bắc Kinh. Theo tài liệu còn để lại trong cung, vua Càn Long đã sai họa gia Castiglione vẽ một bức chân dung ông để treo nơi Nam Uyển khi duyệt binh mà người ta tin rằng chính là bức tranh này.

Bức tranh nhuộm vẽ Tây phương, với con ngựa nhấc một chân mà người ta thường thấy nơi hình các vị hoàng đế Âu Châu. Pamela Crossley đã nhận định rằng bức tranh này miêu tả một sự pha trộn nhiều văn hóa (ngựa dáng vẽ Âu Châu, tay trái cầm cương, tay phải cầm roi theo tư thế Đại Hãn Mông Cổ, nhưng phục màu vàng thêu rồng kiểu thiên tử Trung Hoa, khôi giáp có hình chữ Phạn của Phật giáo Tây Tạng ...) như muốn chứng tỏ đây là một vì thiên tử cai trị một đế quốc rộng lớn bao gồm nhiều sắc dân, nhiều khu vực khác nhau.[89]

KẾT LUẬN

Nói tóm lại, không biết vì lý do gì trước đây các sử gia Việt Nam lại hiểu nghi lễ nhà Thanh tiếp vua Quang Trung ở Nhiệt Hà là bảo tất (ôm gối), trong khi sách vở Trung Hoa cũng như Việt Nam đều chép là bảo kiến thỉnh an. Chính Hoa Bằng cũng đã viết:

Để tỏ ý ưu đãi khác thường, vua Kiền long, khi tiếp Giả vương ở hành cung Nhiệt hà, cho làm lễ “bảo kiến, thỉnh an” trong một bầu không khí cực êm đềm thân mật. Lễ đó, theo như lời dụ của vua Thanh, chỉ những ai trong bọn đại thần có nhiều huân lớn, công to mới được dùng.[90]

Sự hiểu lầm đó đã khiến cho chúng ta không đánh giá đúng mức chuyển di lịch sử có một không hai này, không những hạ thấp vua Quang Trung mà coi nhẹ cả nước ta trong toàn thể khu vực, không giải thích được nhiều vấn đề trong bang giao Việt Thanh cuối thế kỷ 18.

Trước đây khi các quan ta được cử đi sứ sang Tàu, tuy vinh dự thật nhưng vẫn coi như

một cuộc phiêu lưu đáng sợ, mỗi chuyến mất cả một hai năm, có khi lâu hơn. Những quan lại được cử đi thường trời trần coi ngày đi là ngày giỗ vì nhiều người phải bỏ xác nơi xứ lạ.

Đường đi gian nan diệu vợi đã đành mà lại luôn luôn phải ở trong tình trạng sẵn sàng chịu đựng thử thách cho khỏi nhục quốc thể. Thông thường cống sứ nước ta ba năm đi một lần, có khi sáu năm, hai lần gộp làm một. Chỉ riêng đời Tây Sơn, việc đi sứ trở thành một vinh dự, người nào đi cũng làm thơ để lại, tuy không rõ ràng chi tiết nhưng cũng cho ta biết tâm sự của sứ thần rất phấn khởi. Việc đi sứ đời Tây Sơn cũng trở thành thường xuyên hơn. Trong thời gian 250 năm từ 1661 đến 1911, nước ta chỉ gửi người đi sứ tổng cộng 45 lần, trung bình 5 năm một lần. Thế nhưng dưới đời vua Quang Trung, chỉ trong mấy năm từ 1789 đến 1793, mỗi năm ít nhất có một phái bộ sang Tàu, có năm đến hai phái đoàn. Tuy nhiên, quan trọng nhất, tuy liên hệ với nhà Thanh trở nên mật thiết, nước ta vẫn giữ được quyền tự chủ, độc lập và vẫn theo đuổi những chính sách có khi đi ngược lại chủ trương của Thanh đình.[91]

Về cuộc đàm phán và bang giao Việt – Thanh từ trước đến nay các sử gia thường nhấn mạnh vào tiến trình qua lại. Trong bài này chúng tôi lại chú trọng đến thành quả mà triều đình Tây Sơn thu đạt được, vai trò của nước ta đối với Trung Hoa và tư thế mới trong vùng Đông Nam Á.

Một điều hiển nhiên là vấn đề ngoại giao luôn luôn là một cơ hội xác định vị trí của mình. Bao giờ cũng vậy, nếu vấn đề thương thảo mà đối phương ở trong tư thế mạnh, triều đình Việt Nam đành phải chấp nhận những nhượng bộ, khác nhau là ít hay nhiều. Trái lại một khi chúng ta chứng tỏ được rằng phiên thuộc chỉ là hình thức, dân tộc Việt Nam vẫn độc lập về chính trị và kinh tế, nếu bị o ép quá thì cũng không từ bỏ biện pháp vũ lực, thần phục có chăng chỉ trên danh nghĩa mà thôi, khi đó cách đối xử sẽ hoàn toàn khác hẳn.

Trong hơn một nghìn năm tự chủ, tổ tiên chúng ta khi mềm, khi cứng, có lúc phải dấy động can qua nhưng cũng có khi biết uyển chuyển tùy thời để vừa giữ vững quyền độc lập, vừa khiến cho phương Bắc phải từ bỏ mộng xâm lăng. Chiến thắng to lớn nhất của ông cha ta đời Tây Sơn không phải là tiêu diệt được đoàn quân của Tôn Sĩ Nghị mà là tạo được thế đứng mới để Bắc phương không dám tái diễn việc xua binh xuống phương Nam ngõ hầu dân tộc Việt Nam được thanh bình, tạo cơ hội phát triển đem lại cơm no áo ấm cho quần chúng. Đó không phải chỉ là một kết quả quân sự mà còn là một thành quả ngoại giao, mãi mãi vẫn là một mục tiêu mà người dân Việt nhắm đến.

Việc chấp nhận phong vương của vua Quang Trung cũng như tiến trình giao thiệp với nhà Thanh từ đầu năm Kỷ Dậu (1789) đến cuối năm Canh Tuất (1790) là một đề tài lớn không thể chỉ thu tóm trong vài chục trang. Hi vọng với những điều kiện mới, những học giả Việt Nam sẽ có cơ hội đào sâu vào văn khố của Trung Hoa để tái tạo lại một giai đoạn lịch sử với đầy đủ chi tiết, điều chỉnh lại những sai lầm vẫn còn đầy rẫy trong sử sách ngày hôm nay. Nếu bài viết này đánh động được tâm thức của một vài thanh niên trong hay ngoài nước thì đó là điều mong mỏi của người viết.

Tháng 8 năm 2004

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arthur W. Hummel (chủ biên): Eminent Chinese of the Ch'ing Period (1644-1912) (清代名人傳略) (Taipei: Ch'eng Wen Publishing Company, 1970)
2. Bách Dương (柏楊): Trung Quốc nhân sử cương (中國人史綱) thượng và hạ tu đính bản (Đài Bắc: Tinh Quang xuất bản xã 1996)
3. Cammann, Schuyler Cammann: China's Dragon Robes (Chicago: Art Media Resources, Ltd. 1952)
4. Dương Kim Đỉnh (chủ biên): Trung Quốc Văn hóa Sử Đại Từ Điển (Đài Bắc: Viễn Lưu xb, 1987)
5. Ebrey, Patricia B.: Cambridge Illustrated History China (New York: Cambridge University Press 1996)
6. Fairbank, John K. (ed): The Chinese World Order (Mass.: Harvard University Press, 2nd ed. 1970)
7. Hevia, James L.: Cherishing Men From Afar, Qing Guest Ritual and the Macartney Embassy of 1793 (North Carolina: Duke University Press, 2002)
8. Hoa Bằng: Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788-1792, (Saigon: Thư Lâm, 1958)
9. Hồ Bạch Thảo (dịch): Cao Tông thực lục (New Jersey, 2004)
10. Hoàng Xuân Hãn: La Sơn Yên Hồ, tập II (Hà Nội: nxb Giáo Dục 1998)
11. Lưu Gia Câu (劉家駒): Thanh Sử bính đồ (清史拼圖) (Đài Loan: Viễn Lưu 2003 tr. 52)
12. Mai Quốc Liên (chủ biên): Ngô Thì Nhậm tác phẩm I – Hàn Các Anh Hoa, Bang Giao Hào Thoại, Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Học (Tp HCM: nxb Văn Học 2001)
13. Một Nhóm học Giả: Một Vài Sử Liệu về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ (Cali: Đại Nam, 1992)
14. Morton, W. Scott: China, Its History and Culture 3rd. Ed. (McGraw-Hill, Inc 1995)
15. Museum Boymans-van Beuningen Rotterdam: De Verboden Stad (The Forbidden City), 1990

16. Đại Việt Quốc Thư: (Huế: nxb Thuận Hoá, 1995)
17. Ngô Gia Văn Phái: Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch Nguyễn Đức Vân – Kiều Thu Hoạch (Hà Nội: nxb Văn Học, 2002)
18. Ngô Thời Chí: Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch Ngô Tất Tố (Saigon: Phong Trào Văn Hoá, tái bản 1969)
19. Phan Huy Lê (chủ biên): Các Nhà Việt Nam Học nước ngoài viết về Việt Nam (Hà Nội: nxb Thế Giới, 2002)
20. Quốc Sử Quán triều Nguyễn: Đại Nam Liệt Truyện bản dịch của Ngô Hữu Tạo, Đỗ Mộng Khương, (Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Viện Sử Học) (Huế: nxb Thuận Hoá, 1997)
21. Quốc Sử Quán triều Nguyễn: Đại Nam Nhất Thống Chí (Phạm Trọng Điềm dịch) (Huế: nxb Thuận Hoá, 1997)
22. Steinhardt, Nancy S. (ed.): Chinese Architecture (Yale University and New World Press, 2002)
23. Tang Lê hòa (臧勵齋) (chủ biên): Trung Quốc Nhân Danh Đại Từ Điển (中國人名大辭典) (Đài Bắc: Đài Loan thương vụ ấn thư quán, in lần thứ hai, 1979)
24. Thanh Cung Yến Lạc Tàng Trân (清宮宴樂藏珍): (Bắc Kinh: Bắc Kinh xuất bản xã 2002)
25. Trần Trọng Kim: Việt Nam sử lược (Saigon: Trung Tâm Học Liệu Bộ Giáo Dục, 1971)
26. Trang Cát Phát (莊吉發): Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu (清高宗十全武功研究) (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1987) (chụp lại bản của Đài Loan Cổ Cung Tùng San, Giáp Chung số 26, tháng 6 năm 1982)
27. Zhang, Hongxing: The Qianlong Emperor: Treasures From The Forbidden City (United Kingdom: National Museums of Scotland Publishing Limited 2002)

<brclear=all>

[1] Trần Trọng Kim: Việt Nam sử lược (Saigon: Trung Tâm Học Liệu Bộ Giáo Dục, 1971) q. 2, tr. 136

[2] 抱膝

[3] 拱極歸誠

[4] 祝嘏效尊親，永矢丹忱知弗替。觀光膺寵錫，載稽青史未前聞。

[5] Tài liệu quan trọng nhất mà chúng ta có thể kiểm chứng là Đại Việt quốc thư nhưng tiếc thay chúng tôi không có nguyên bản chữ Hán để đối chiếu. Rất nhiều chỗ trong đây nhắc đến chi tiết này nhưng đều được dịch là "lễ đem con đến bệ kiến" (tr. 256), "lễ đem con vào bệ kiến" (tr. 257, 259, 261) ...

[6] Sau đây là một số từ điển chúng tôi đã lược qua để tìm hai chữ "bảo tất" nhưng không thấy. Từ Hải (2 cuốn) (Đài Bắc: Đài Loan Trung Hoa Thư Cục 1974), Trung Việt từ điển (Hà Nội: nxb KHXH, 1993), Từ Điển Hán Việt (Trần Văn Chánh: tp HCM, Trẻ 1999),

Từ Điển Hán Việt hiện đại (Tp HCM: nxb Thế Giới, 1994), Hiện Đại Hán Ngữ Từ Điển (Xiandai Hanyu Cidian) (Trung Quốc Khoa Học Viện, Ngữ Ngôn Nghiên Cứu Sở, Hongkong 1988), Hán Anh từ điển (A Chinese-English Dictionary) (Bắc Kinh, Thương Vụ Ấn Thư Quán 1989), Hán Việt từ điển (Đào Duy Anh, Saigon: Trường Thi 1957), Hoa Việt Tân Từ Điển (Lý Văn Hùng, Đại Nam in lại ở hải ngoại, không đề năm) ... tất cả đều có rất nhiều chữ kép đi với bão, ngoại trừ bão tất.

[7] Bão tất thuyền đầu, Tư kiến gia tân. Vi phong động ba, Vọng yên nhược tỉnh. (抱膝船頭, 思見嘉賓, 微風動波, 惘焉若醒。)

[8] Năm 1540, Mạc Đăng Dung sợ, lên cửa quan đầu hàng, nộp nước, chỉ xin giữ chức Đô Thống Sứ mà thôi. Vua Minh bèn xóa tước An Nam quốc vương. Từ đó đến gần cuối đời Minh, điển lệ Trung Quốc coi sứ ta như là một kẻ thừa sai đặc biệt, chứ không được ban yến. Mặc dầu sau khi dòng họ Lê trở lại Thăng Long và sai sứ cầu phong, triều Minh vẫn thoái thác và chỉ phong làm Đô Thống Sứ An Nam và bắt để họ Mạc làm Đô Thống Sứ Cao Bằng. Hoàng Xuân Hãn: Cuộc Tiếp Sứ Thanh năm 1683 (Hà Nội: La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn tập II, 1998) tr. 748

[9] Quân Cơ Xứ, nguyệt triệp bao, hòm 2778, bao 162, số hiệu 39011, tấu thư của Phúc Khang An ngày mồng 5 tháng tư năm Càn Long 54 (Trang Cát Phát: sđd tr. 382)

[10] 10 Đời Càn Long quân Thanh hai lần tiến đánh Miến Điện, lần thứ nhất năm 1767 do Minh Thụy (明瑞) chỉ huy, lần thứ hai năm 1769 do Phó Hằng (傅恆) chỉ huy. Phó Hằng chính là cha của Phúc Khang An. Cả hai lần quân Thanh đều đại bại vì bị chướng khí, chết rất nhiều. Sau vì quân Xiêm La đánh tập hậu, quân Miến Điện mới chịu nghị hoà. Kinh nghiệm đó khiến cho Phúc Khang An ngại ngùng không dám tính chuyện đem quân xuống đánh nước ta. (Bách Dương: Trung Quốc nhân sử cương, 1996 tr. 893)

[11] Nguyễn Nhã: Nguyễn Huệ, một thiên tài quân sự (Một Vài Sử Liệu về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ, Cali: Đại Nam 1992) tr. 105

[12] Quốc Sử Quán triều Nguyễn: Đại Nam Nhất Thống Chí (Phạm Trọng Điềm dịch) (Huế: nxb Thuận Hoá, 1997) tập 4 tr. 334-5

[13] Đối chiếu với những tài liệu của nước ta còn giữ được thì bài này do Phan Huy Ích làm hiện còn ghi lại trong Dụ Am văn tập. Tuy nhiên bài của họ Phan dài hơn nhiều, lời lẽ cũng ngạo nghễ, trút tội lên đầu Tôn Sĩ Nghị và cũng có thêm một số chi tiết đính chính cho sử nhà Thanh. (Hoa Bằng: sđd tr. 211-8)

[14] Quân Cơ Xứ, nguyệt triệp bao, hòm số 2778, bao 162, số hiệu 38978, biểu văn của vua Quang Trung dưới tên Nguyễn Quang Bình, Càn Long năm thứ 54, tháng 2 (Trang Cát Phát: sđd tr. 385-6)

[15] trong lá thư của Ngô Văn Sở kêu gọi Phan Khải Đức trở về cũng có nhắc đến việc Lê Duy Kỳ giết chú, gian dâm với em (sát thúc, dâm muội) khiến chúng ta có thể đặt câu hỏi phải chăng Lê Duy Kỳ làm chuyện loạn luân bị những hoàng thúc phản đối nên giết

họ chẳng? Cũng theo lá thư của thân tộc nhà Lê gửi Tôn Sĩ Nghị thì ba vị hoàng thúc đó có tên là Lê Duy Lữ, Lê Duy Lâm, Lê Duy Hội (xem thêm Khi Núi, Đất, Biển là Một của Nguyễn Duy Chính)

[16] Trang Cát Phát: sđd tr. 387

[17] Nguyên văn: 特遣其長兄阮光華之長子阮光顯 (đặc khiến kỳ trưởng huynh Nguyễn Quang Hoa chi trưởng tử Nguyễn Quang Hiển). Cho đến giờ phút này chúng ta không hiểu rõ Nguyễn Quang Hoa đây có phải là Nguyễn Nhạc không? Theo sử sách và những tài liệu rải rác, Nguyễn Huệ có thể là thứ tám (hay thứ bảy) trong nhà, ngoài Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ còn có thể có nhiều chị và anh khác nhưng ít được nhắc đến. Nguyễn Quang Hiển có lẽ không phải là con của Nguyễn Nhạc (tức Nguyễn Bảo) vì lúc này giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đang có sự bất hoà, hai bên mới đánh nhau một trận lớn năm 1787. Nguyễn Quang Hiển xem ra phải đã trưởng thành và có giao tình rất đặc biệt với Nguyễn Huệ, rất có thể là con một ông anh (hay một bà chị mà nói thác ra) nào đó đã từ trần. Cũng có thể đó chỉ là một chi tiết bịa đặt cho qua chuyện vì khi đó con trưởng của Nguyễn Huệ là Nguyễn Quang Toàn (ông Hoàng Trót) còn quá nhỏ (chưa đầy 10 tuổi). Tuy nhiên Nguyễn Huệ cũng còn một người con khác là Nguyễn Quang Thùy (đóng một vai trò quan trọng trong bang giao Hoa – Việt) mà nhiều người cho rằng chính là con cả nhưng bị mất ngôi chỉ vì mẹ Thùy ở Qui Nhơn bị Nguyễn Nhạc bức dâm.

[18] Nghi lễ này so với các sứ thần nước ta khi trước sang phong vương rất đặc biệt. Trước đây bên ta chỉ được qua 4 người, đón vào Chiêu Đức Đài rồi đi lên Yên Kinh dâng biểu cầu phong, xem ra đơn bạc lắm. Mỗi lần sứ đoàn chỉ được từ 4 đến 6 người, thêm một vài đầy tớ, đến và đi chỉ được tiếp đãi qua loa, sứ thần ta chỉ còn biết dùng văn thơ đối đáp để tỏ ý chí quật cường. Lần này phái bộ nước ta được tiếp đãi là do chiến công trước đây 2 tháng nên tình hình khác nhiều. (Xem thêm Hoàng Xuân Hãn: Cuộc tiếp sứ Thanh năm 1683 và Vụ Bắc Sứ năm Canh Thìn đời Cảnh Hưng trong La Sơn Yên Hồ, 1998, q II, từ trang 747-864)

[19] Trang Cát Phát: sđd tr. 387

[20] Cứ theo mốc thời gian thì dường như vua Càn Long đổi ý chứ có lẽ nếu phải thư từ qua lại thì không thể nào kịp được. Thời gian điều đình này quá gần, việc gửi công văn từ Quảng Tây lên Yên Kinh không thể chỉ trong vài ngày. (Lời người viết)

[21] Dựa theo Triều Châu Dữ Mạo Đỉnh (朝珠與帽頂) của Kê Nhược Hân (嵇若昕) trích trong Cổ Cung Văn Vật nguyệt san, Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, Đài Bắc số 22, tháng 1 năm 1985 từ trang 92-99.

[22] Danh sách này tìm thấy trong Quân Cơ Xứ, nguyệt triệp bao, hòm 2778, bao 163, số hiệu 39114 (Trang Cát Phát: sđd tr. 389)

[23] tên ông này sách chép khi thì Phác (璞), khi thì Tấn (璣)(cả hai đều bộ Ngọc 玉)

[24] tức quốc kịch (國劇)

[25] Trang Cát Phát: sđd tr. 393

[26] kỹ nghệ đúc thủy tinh đã đạt trình độ rất cao dưới đời Thanh sau khi vua Khang Hi chỉ định giáo sĩ Kilian Stumpff trông coi việc chế tạo.

[27] Người Trung Hoa vào thế kỷ 18 gọi chung các nước Âu Châu là pháp lang (法郎). Chữ này do người Ả Rập mang đến lấy từ tiếng Ả Rập farangi (Franks), được dùng trong trận Thánh Chiến (Crusades) để chỉ tất cả các quốc gia Thiên Chúa giáo. Về sau hai chữ này được các giáo sĩ Jesuit thay bằng Thái Tây (Occidens extremus) (F.W. Mote: mperial China 900-1800, Havard University Press 1999 tr. 952). Sang nước ta hai chữ này được dịch thành Hoa Lang (theo A. B. Woodside trong Vietnam and the Chinese Model , Havard University Press 1971 tr. 246 thì Hoa Lang là do tiếng Xiêm La để chỉ người da trắng – farang)

[28] Nhiệt Hà còn gọi là Thừa Đức ở quan ngoại vốn là đất cũ của nhà Thanh, phía bắc của kinh đô, do đó phái đoàn đi lên miền Bắc, qua khỏi Vạn Lý Trường Thành rồi lại quay trở về Yên Kinh.

[29] tự Quảng Đình, do chân ấm sinh mà làm quan, làm quan tới Võ Anh Điện đại học sĩ, từng lập rất nhiều chiến công được phong tước Thành Mưu Anh Dũng Công.

[30] tự Thượng Tá, đỗ tiến sĩ, làm tổng đốc Nam Hà – Đông Hà kiêm Binh bộ thượng thư đời Càn Long, làm quan tới Văn Uyên Các đại học sĩ.

[31] Trang Cát Phát: sđd tr. 386

[32] Trang Cát Phát: sđd tr. 389

[33] Theo Đại Việt Quốc Thư (tr. 75) còn trong tài liệu của Trung Hoa thì lại viết là Lê Xuân Tài (黎春材). Hai chữ tài 材 và thôn 村 rất giống nhau.

[34] Long đình là kiệu rồng để khiêng chiếu chỉ, sắc thư do hoàng đế ban xuống

[35] Nguyên văn: 該國遠近夷民，至公廡前，遙望龍亭，歡呼叩頭者凡數起。又有員目丁輔宰，良名聞二人，年俱八十餘歲，欣聞敕命臨境，於數百里外跋涉前來，恭詣龍亭前，叩頭稱慶。其鎮目吳文楚即吳初及吳時壬等早晚謁見，甚為浹洽 (cai quốc viễn cận di dân, chí công giải tiền, dao vọng long đình, hoan hô khẩu đầu giả phàm số khởi. Hựu hữu viên mục Đình Phụ Tế, Cẩn Danh Văn nhị nhân, niên câu bát thập dư tuế, hân văn sách mệnh lâm cảnh, ư số bách lý ngoại bạt thiệp tiền lai, cung nghệ long đình tiền, khẩu đầu xưng khánh. Kỳ trấn mục Ngô Văn Sở tức Ngô Sơ cập Ngô Thời Nhâm (Nhiệm) đẳng tảo văn yết kiến, thậm vi tiếp hợp)

[36] Chi tiết này ghi trong tấu văn của Tôn Vĩnh Thanh, đề ngày 24 tháng 10 năm Càn Long thứ 54, hiện còn tàng trữ trong Cung Trung Đàng, hòm số 2727, quyển 234, số hiệu 58601 (Trang Cát Phát: sđd tr. 395)

[37] Thanh Cao Tông Thuần Hoàng Đế thực lục, quyển 1333, trang 19, sách văn ngày Bính Tý (12) tháng 6 năm Càn Long 54. (Trang Cát Phát: sđd tr. 393-4)

[38] Bài này so với bài thơ chép trong Hoa Trình tùy bộ tập của Vũ Huy Tấn (Phác) là

phó sứ của phái bộ có khác hai chữ. Câu đầu bản VHT là định 定 thay vì võ 武, câu thứ tư phiên 翻 thay vì viên 爰. Hoa Bằng lại viết là bài thơ này của vua Càn Long ban cho giả vương năm 1790 khi sang chúc thọ, điều đó không chính xác. (Hoa Bằng: Quang Tung, sđd tr. 246). Bài ở đây trích theo Thanh Cao Tông Thuần Hoàng Đế thực lục, quyển 1333, trang 19, sách văn ngày Bính Tý, tháng 6 năm Càn Long 54 (Trang Cát Phát: sđd tr. 394)

[39] Bản dịch thơ của Nguyễn Quốc Vinh trích trong "Góp thêm tư liệu mới về quan hệ chiến sự và ngoại giao Việt – Thanh thời Tây Sơn : Bộ tranh "Bình Định An Nam Chiến Đồ" có thơ đề vịnh bằng ngự bút của vua Càn Long (Phan Huy Lê chủ biên: Các Nhà Việt Nam Học nước ngoài viết về Việt Nam. Hà Nội: nxb Thế Giới, 2002) tr. 211

[40] Có lẽ việc vua Quang Trung bị bệnh là có thực vì trong vai trò một quốc vương, một lời nói ra nặng như chín cái đỉnh, không thể lật lọng. Theo tình thế mà luận, thời kỳ này là giai đoạn mà uy tín của vua Quang Trung đang lên cao, liên hệ giữa nước ta và nước Tàu đang tiến vào một tương quan mới, không lý gì Nguyễn Huệ lại tạo ra những hiểm khích để làm mất đi cái thế đứng của mình. Chúng ta cũng biết rằng trong những năm sau cùng của cuộc đời, Nguyễn Huệ không còn khoẻ mạnh như khi còn trẻ. Trên yên ngựa miệt mài rong ruổi, với tính khí bạo tháo, ông đã kiệt lực và hậu quả là qua đời khi chưa đầy 40 tuổi. Việc dùng dằng qua lại kéo dài khiến cuối cùng (có lẽ) ông đã phải cho người giả thay mình ra Thăng Long làm lễ phong vương. Cho đến giờ phút này, chúng ta cũng chưa xác định được chắc chắn người được sắc phong ở Thăng Long khi đó chính là vua Quang Trung thật hay chỉ là một giả vương tên là Phạm Công Trị.

[41] nguyên văn: 執手相送, 甚覺依依 (chấp thủ tương tống, thậm giác y y)

[42] Nhà Thanh coi những viên mục các phiên thuộc như người thân thích. Trong các hàng tông thất, họ hàng nhà vua, cao nhất là thân vương (con cái và anh em ruột của hoàng đế), kế đến là quận vương, sau nữa là bối lạc, thấp nhất là bối tử. Người không phải trong tông thất chỉ được lên đến tước công (ngoại trừ trường hợp duy nhất trong suốt 267 năm nhà Thanh, một người được ban tước bối tử – đó là Phúc Khang An). Vua Quang Trung được ban tước thân vương là tước vị cao quý nhất, chỉ sau hoàng đế, xếp vào những phiên thuộc hàng đầu của nhà Thanh.

[43] nhất luật sử dụng tân chủ chi lễ – 一律使用賓主之禮 (Trang Cát Phát: sđd tr. 398)

[44] Tuy nhiên phái đoàn Đại Việt lại lên đến 150 người, vượt trội các phái đoàn khác.

[45] Quân Cơ Xứ, nguyệt triệp bao, hòm 2778, bao 163, số hiệu 39090, chiếu hội An Nam quốc vương văn cáo, ngày 21 tháng 1 năm Càn Long 55 (Trang Cát Phát: sđd tr. 399)

[46] Cung Trung Đáng, hòm số 2778, bao 163, số hiệu 39095, văn thư về việc tiếp đãi vua Quang Trung đề ngày mồng 2 tháng 2 năm Càn Long 55 (1790) của Phúc Khang An. (Trang Cát Phát: sđd. tr. 399-401)

[47] Vải dùng để may áo cho triều đình đều Nội Chức Nhiễm Cục (內織染局) đảm trách nhưng dệt tại các công xưởng ở Giang Nam (Hàng Châu, Từ Châu, Giang Ninh) (Schuyler Cammann: China's Dragon Robes, 1952 tr. 116)

[48] Xem thêm Hương Phi của Nguyễn Duy Chính

[49] theo sử ta thì có Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Vũ Danh Tiêu, Nguyễn Tiến Lộc, Đỗ Văn Công ... và cả một đoàn nhạc công.

[50] Các vua nhà Thanh rất thích voi, là một trong những đặc phẩm các quốc gia Đông Nam Á triều cống Trung Hoa trong nhiều thế kỷ, không phải là một chuyện cố tình chơi trội như miêu tả. Trước kia Chiêm Thành, Chân Lạp, Vạn Tượng, Miến Điện ... thường hay cống voi. Các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây cũng thường kiếm voi tiến kinh. Miền Bắc nước ta ít voi nên không dùng làm cống phẩm, vua Quang Trung muốn chứng tỏ cho nhà Thanh rằng bây giờ địa giới của mình đã mở rộng đến tận Đàng Trong.

[51] Đại Việt quốc thư tr. 256

[52] 西洋夷人, 爭來觀看 (Tây Dương di nhân, tranh lai quan khán)

[53] Patricia B. Ebrey: Cambridge Illustrated History China (New York: Cambridge University Press 1996) tr. 234-5

[54] Trang Cát Phát: sđd tr. 402

[55] W. Scott Morton: China, Its History and Culture Ed. (McGraw-Hill, Inc 1995) tr. 142

[56] 非澹泊无以明志, 非寧靜无以致遠 (phi đạm bạc vô dĩ minh chí, phi ninh tĩnh vô dĩ chí viễn) không đạm bạc thì không thể sáng cái chí, không ninh tĩnh thì không đi tới được chỗ xa

[57] 群子知微、知彰、知柔、知剛(周易-系詞) (quân tử tri vi, tri chương, tri nhu, tri cương – Chu Di – Hệ từ) Đây là nói về thuật để vương, không phải chỉ hiểu theo nghĩa thường của thứ nhân.

[58] Nancy S. Steinhardt (ed.): Chinese Architecture (Yale University and New World Press, 2002) Sun Dazhang: Ch. 7, The Qing Dynasty tr. 289

[59] Chính vì không đồng ý làm lễ này vì cho rằng nhẹ quốc thể mà phái đoàn của các nước Tây Phương bất bình với triều đình nhà Thanh gây ra nhiều vấn đề ngoại giao.

[60] hiện nay một số lãnh tụ gặp nhau cũng ôm hôn tương tự như kiểu này, có lẽ cũng bắt nguồn từ dân du mục miền Tây Bá Lợi Á.

[61] Đại Việt quốc thư: sđd tr. 298

[62] Trang Cát Phát: sđd tr. 402. Sử ghi rõ ngày 11 tháng 7 năm Càn Long 55 vua ta được ban những món sau đây:

- Mãng bào: 5 cái
- Đại ngọc: 1 cái
- Ngựa: 1 con
- Cương màu vàng nạm vàng: 1 bộ

- Đai bằng vàng: 1 cái
- Mũ bằng vàng: 5 cái
- Tượng Phật bằng ngọc: 1 pho
- Ngọc như ý: 1 cái
- Bình nam châm: 1 cái
- Trà lá lớn nhỏ: 5 bình
- Trà bánh: 1 cái
- Bình ngửi: 2 cái
- Quạt: 2 cái
- Thơ vua làm: 1 bài
- Bạc: 1 vạn lượng

Đến ngày 17 tháng 7, lại thưởng thêm:

- Ngọc như ý: 1 cái
- Gấm: 2 tấm
- Chương nhung: 1 tấm
- Lụa mỏng (lăng): 3 tấm
- Bình Âu Tây: 2 cái
- Đĩa Âu Tây: 1 cái
- Đĩa gỗ mun: 1 cái
- Bình ngửi: 1 cái

Sáu người bồi thần nước ta mỗi người một tấm gấm đoạn, chương nhung một tấm, lụa hai tấm, chén mun một cái, bình ngửi một cái, đồ đánh lửa một bộ. Cũng ngày hôm đó, chánh phó sứ Miến Điện và các đầu mục mười người, mỗi người được một lọ thuốc ngửi bằng sứ, sáu người từ trên xuống dưới của nước Nam Chương (vùng bắc Xiêm La) cũng mỗi người được một lọ ngửi bằng sứ. (Trang Cát Phát: Tị Yên Hồ đích diệu dụng (鼻煙壺的妙用) Cổ Cung Văn Vật Nguyệt San số 21 tháng 12 năm 1984 tr. 123

[63] Đại Việt quốc thư tr. 322. Trong câu này, theo ý chúng tôi phải ngắt ra làm ba món khác nhau: tứ đoạn long bổ phục (bốn tấm gấm may áo), kim hoàng mãng bào (mãng bào màu kim hoàng) và san hô triều châu (chuỗi đeo bằng san hô). Về ý nghĩa và giá trị của những món quà vua Càn Long ban cho sứ thần nước ta trước nay chưa mấy ai quan tâm nghiên cứu, chúng tôi sẽ trích từ Khi Núi, Đất, Biển là Một thành một biên khảo khác.

[64] Lưu Gia Câu: Thanh Sử bính đồ, Đài Loan: Viễn Lưu 2003 tr. 52. Xem thêm Schuyler Cammann: China's Dragon Robes, Chicago: Art Media Resources, Ltd. 1952

[65] được xếp vào hàng lân chỉ chân chân nhắc đến Kinh Thi về người đông con (xem Đại Việt quốc thư tr. 323 và chú thích số 14 trang 325)

[66] Theo điển lệ nhà Thanh, nhất phẩm trên mũ gắn hồng bảo thạch, nhị phẩm gắn

san hô, tam phẩm gắn lam bảo thạch, tứ phẩm gắn thanh kim thạch, ngũ phẩm gắn thủy tinh, lục phẩm gắn xà cừ, thất phẩm gắn chóp vàng, bát phẩm thêu hoa vàng (âm văn), cửu phẩm thêu hoa vàng (dương văn). Dương Kim Đỉnh (chủ biên): Trung Quốc Văn hóa Sử Đại Từ Điển (Đài Bắc: Viễn Lưu xb, 1987) tr. 125

[67] Đại Việt quốc thư tr. 324 (biểu tạ ân của vua Quang Trung đề ngày 13 tháng 7 năm Càn Long 55)

[68] Lê Duy Kỳ khi lưu vong bên Tàu chỉ được hàm tam phẩm

[69] người Âu châu cho rằng họ triều kiến nhà vua bằng một chân và chỉ quì hai chân trước thượng đế.

[70] James L. Hevia: Cherishing Men From Amoy, Qing Guest Rooms and the Macartney Embassy of 1793 (North Carolina: Duke University Press, 2002) tr. 174-5

[71] Lều nhưng chung quanh để trống, chữ Hán là hoa cái

[72] Theo lễ tục nhà Thanh, khi đón hoàng đế ngay cả Thái Hậu (mẹ vua) cũng phải quì.

[73] Museum Boymans-van Beuningen Rotterdam: De Verboden Stad (The Forbidden City), 1990 tr. 146-7

[74] theo tờ biểu tạ ân của vua Quang Trung đề ngày 13 tháng 7 năm Càn Long 55 (1790) Đại Việt quốc thư, sđd tr. 322-4

[75] Thanh Cung Yến Lạc Tàng Trân: (Bắc Kinh: Bắc Kinh xuất bản xã 2002) tr. 15

[76] Thanh Cung Yến Lạc Tàng Trân: tr. 79. Trong Đại Việt quốc thư trang 334 có chép là phái đoàn được xem hỏa thụ (火樹) mà dịch giả ghi chú là "chưa tra thấy điển hai chữ hỏa thụ, nhưng có lẽ như cây bông ở nước ta vẫn thường đốt". Đời Thanh kỹ thuật khoa học Âu Tây được các giáo sĩ đem vào Trung Hoa, phối hợp với kỹ thuật cổ truyền bản địa để hình thành một số công trình mới trong đó có pháo bông thành hình cây, khi đốt cháy tung toé ra bốn phía, vòi nước phun lên trời ... và một số cung điện theo lối Ý.

[77] Đại Việt quốc thư: sđd tr. 322-3

[78] Đại Việt quốc thư tr. 312

[79] Đại Việt quốc thư tr. 320

[80] Gần đây, trong những chương trình khôi phục văn hóa và tái tạo lại cảnh hùng vĩ của đế quốc Trung Hoa, chính quyền Hoa lục đã cho dựng lại một số nghi thức của đời Thanh, kể cả buổi tiệc Bát Tuần của vua Cao Tông (Vạn Thọ Diên Yến).

[81] Thanh Cung Yến Lạc Tàng Trân tr. 16

[82] Mười từ khúc đó do Phan Huy Ích soạn là Mãn Đình Phương, Pháp Giá Dẫn, Thiên Thu Tuế, Lâm Giang Tiên, Thu Ba Tế, Bốc Dưỡng Tử, Yết Kim Môn, Hạ Thánh Triều, Lạc Xuân Phong và Phượng Hoàng Các. (Hoa Bằng: Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788-1792, Saigon: Thư Lâm, 1958) tr. 236

[83] Ngô Thời Chí: Hoàng Lê Nhất Thống Chí (Saigon: Phong Trào Văn Hoá, tái bản 1969) tr. 316

[84] Quốc Sử Quán triều Nguyễn: Đại Nam Liệt Truyện (Huế: nxb Thuận Hoá, 1997, quyển II) tr. 557

[85] Đại Việt quốc thư tr. 332 nguyên văn như sau: (bản dịch)

Hạ thần là nước phen nhỏ, tự nơi xa vào châu, trông lên được Đại hoàng đế rũ lòng nhân từ, co như cha con người nhà, tấm lòng nhỏ mọn của hạ thần, vui mừng cảm kích không biết chừng nào.

Hạ thần tự nghĩ không lấy gì đáp lại được ân to một phần trong muôn phần.

Hạ thần muốn kêu xin một bức chân dung của Đại hoàng đế, mang về hạ quốc, kính cẩn cung phụng ở điện Kính Thiên để lúc này lúc khác quì khấn, như thể ở được bên tả bên hữu đức Đại hoàng đế, cho phụ lòng luôn luôn quyến luyến.

Chỉ sợ ăng phạm lỗi mờ quáng chưa dám thiện tiện tâu lên nhà vua, vì thế giải bày lòng uẩn khúc ở tước tôn đại nhân xét định, nên chẳng nhờ đại nhân chỉ giáo.

Mong mọi không biết chừng nào.

[86] Thời Đế Nhị Cộng hòa ba tờ giấy bạc có in ba danh nhân tượng trưng cho ba miền Bắc Trung Nam, 500 đồng là hình Trần Hưng Đạo, 200 đồng là hình vua Quang Trung, 100 đồng là hình Tả Quân Lê Văn Duyệt.

[87] Người Ý Đại Lợi, Hán danh Lương Thế Ninh (郎世寧) tu sĩ dòng Jesuit. Ông tới Trung Hoa theo phái bộ truyền giáo năm Khang Hi thứ 54 (1715) rồi được triệu vào cung làm họa sĩ cho triều đình. Ông còn dạy các họa sĩ người Trung Hoa phương pháp của Âu Châu nên đời Thanh các họa phẩm mang màu sắc Đông Tây phối hợp. Ông tạ thế tại Bắc Kinh năm Càn Long thứ 31 (1766) thọ 78 tuổi, được vua phong hàm Thị Lang, lại xuất kho 300 lượng bạc để lo tang sự, an táng trong nghĩa địa giáo sĩ ngoài thành Bắc Kinh.

[88] Tại Thừa Đức, Trực Lệ là một khu săn bắn, luyện tập của nhà Thanh.

[89] Zhang Hongxing, The Qianlong Emperor: Treasures From The Forbidden City (United Kingdom: National Museums of Scotland Publishing Limited 200) tr. 50

[90] Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788-1792 tr. 245

[91] John K. Fairbank (ed): The Chinese World Order (Mass. Harvard University Press, 2nd ed. 1970) Trung Buu Lam: Intervention versus tribute in Sino-Vietnamese Relations tr. 177